

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ và chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh, để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ chúng ta còn biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Nhận thức được ý nghĩa, vị trí cũng như tầm quan trọng của Vốn bằng tiền và kế toán vốn bằng tiền, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành em đã đi sâu vào nghiên cứu về Vốn bằng tiền và kế toán vốn bằng tiền. Trên cơ sở đó em đã chọn đề tài cho Khóa luận tốt nghiệp là: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành”**.

Ngoài Lời mở đầu và Kết luận, bài khóa luận gồm 3 chương chính:

Chương I: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Vốn bằng tiền và hạch toán kế toán Vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

Chương II: Tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành.

Chương III: Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành.

Với thời gian thực tập ngắn, nắm bắt thực tế chưa nhiều, mặt khác trình độ và khả năng có hạn vì vậy bài viết không thể tránh khỏi khiếm khuyết và thiếu sót, kính mong ban giám đốc, phòng kế toán tài chính, các phòng ban có liên quan của Công ty cổ phần và sản xuất thương mại Đại Thành cùng các thầy cô giáo trong khoa, trong trường đóng góp cho em những ý kiến để em có thể sửa chữa, bổ sung cho bài khóa luận được hoàn chỉnh hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

Dưới đây em xin trình bày nội dung của Khóa luận:

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề về vốn bằng tiền và sự cần thiết của vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp

1.1.1 Vốn bằng tiền và đặc điểm của Vốn bằng tiền

1.1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

Cùng với sự phong phú của đời sống kinh tế, khi đề cập đến tiền tệ người ta không chỉ nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà tiền tệ được xem ở một góc độ rộng lớn hơn cả các loại séc, sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ...nếu chúng có thể chuyển đổi dễ dàng thành tiền mặt thì cũng có thể xem là tiền và ngay cả chuyển khoản cũng được biểu hiện là tiền theo nghĩa rộng : “ Bản chất của tiền là dùng để làm phương tiện trao đổi”.

Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt (111), Tiền gửi ngân hàng (112), Tiền đang chuyển (113). Cả ba loại trên đều có tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý. Với tính linh hoạt cao, Vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi loại vốn bằng tiền được sử dụng vào từng mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại, nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại sử dụng có hiệu quả tiết kiệm và đúng mục đích.

1.1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền

- Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao nhất: trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ.

- Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó vật ngang giá chung, do đó trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Vì vậy trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền các thủ tục các biện pháp nhằm bảo vệ vốn bằng tiền tránh khỏi ăn cắp, mất mát, lạm dụng là rất quan trọng, đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

1.1.2. Vai trò và sự cần thiết của vốn bằng tiền

1.1.2.1. Vai trò của Vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền có một vai trò rất quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Nó phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi, các yếu tố đầu vào cho sản xuất như:

- Mua sắm nguyên vật liệu
- Mua sắm công cụ dụng cụ
- Mua sắm máy móc, trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng
- Trả lương cho nhân viên...

1.1.2.2. Sự cần thiết của vốn bằng tiền trong sản xuất kinh doanh

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định. Nhờ có vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng cơ cấu vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh để quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào.

1.1.3. Kết cấu của vốn bằng tiền

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhóm tài khoản 111-Vốn bằng tiền gồm 3 tài khoản:

- 1_ Tài khoản 111: Tiền mặt
- 2_ Tài khoản 112: Tiền gửi Ngân hàng
- 3_ Tài khoản 113: Tiền đang chuyển

1.1.4. Phân loại vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp được phân loại theo các cách tiếp cận sau:

- Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ngoại tệ: là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFR), yên Nhật (JPY), Mác Đức (DM)...
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích khác không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

- Phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền mặt tại quỹ (TK111) : gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.
- Tiền gửi ngân hàng (TK112) : là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
- Tiền đang chuyển (TK113) : là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.5. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền và vai trò của kế toán vốn bằng tiền

❖ Yêu cầu quản lý:

- Cần phải quản lý vốn bằng tiền một cách chặt chẽ, thường xuyên kiểm soát các khoản thu chi tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp, vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác.

- Việc quản lý vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: thống kê, phân tích hoạt động kinh tế...trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi của vật to, tiền vốn bằng các thước đo giá trị hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Vai trò của vốn bằng tiền:

- Công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán trong các doanh nghiệp, nó sẽ cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

- Theo dõi, ghi chép kịp thời tình hình thu, chi tăng, giảm, thừa thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.

- Thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ, kế toán tiền mặt

- Ghi chép và đối chiếu số gửi vào, rút ra TGNH trên: chứng từ báo nợ, báo có, sổ tiền gửi ngân hàng.

- Giám đốc việc thực hiện nguyên tắc quản lý thu, chi tiền mặt và việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu của các thủ quỹ, kế toán tiền mặt.

- Phản ánh kịp thời các khoản tiền đang chuyển để tránh thất thoát.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

- Thực hiện kịp thời công tác lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo yêu cầu

1.2. Hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

1.2.1. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

- Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa hai nhiệm vụ giữ tiền và lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.

- Ghi thu, chi tiền mặt, TGNH phải có chứng từ tiền mặt, TGNH hợp lý, hợp pháp

- Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng thương mại và kho bạc nhà nước.

- Đối chiếu, điều chỉnh số dư tiền mặt, TGNH phải thực hiện thường xuyên trong kỳ.

1.2.2. Các quy định khi hạch toán vốn bằng tiền

1 - Kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “Đồng Việt Nam” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền (trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

2 - Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “Đồng Việt Nam” theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán

Đối với trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112, TK 1122 theo một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp nhập trước-xuất trước
- + Phương pháp nhập sau-xuất trước
- + Phương pháp thực tế đích danh

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các TK doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh, kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư XD CB) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các TK vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập BCTC năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

3 - Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ. Giá nhập trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.

+ Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước.

+ Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước.

+ Phương pháp thực tế đích danh

- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

- Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2.3. Các chứng từ sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền

1.2.3.1. Các chứng từ sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán, Biên lai thu tiền
- Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Bảng kiểm kê quỹ, Bảng kê chi tiền...

1.2.3.2. Các sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền

- Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền
- Nhật ký chứng từ, Bảng kê
- Sổ quỹ
- Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp chi tiết
- Sổ cái

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Dưới đây mẫu sổ sách được sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền:

Mẫu số 01:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S03a1-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:.....

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Nợ TK | Ghi có các TK | | | | | |
|--------------------|----------|------------|----------------------------|-----------|---------------|-----|-----|-----|----------------|---------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | ... | ... | ... | ... | Tài khoản khác | |
| | | | | | | | | | Số tiền | Số hiệu |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | E |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển trang sau | | | | | | | |

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày tháng năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S03a2-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:.....

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Có TK | Ghi có các TK | | | | | | |
|--------------------------|------------|---------------|----------------------------|-----------------|---------------|-----|-----|-----|-------------------|------------|--|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | ... | ... | ... | ... | Tài khoản khác | | |
| | | | | | | | | | Số tiền | Số hiệu | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | E | |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển trang sau | | | | | | | | |

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:....

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S07-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ:.....

| Ngày, tháng ghi sổ | Ngày, tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | Số tiền | | | Ghi chú |
|--------------------------|----------------------------|------------------|-----|-----------|---------|-----|-----|------------|
| | | Thu | Chi | | Thu | Chi | Tồn | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | | | | | |

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S07a-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản:.....

Loại quỹ:.....

Năm:.....

Đơn vị tính:

| Ngày, tháng ghi sổ | Ngày, tháng chứng từ | Số hiệu chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | | Số tồn | Ghi chú |
|--------------------------|----------------------------|---------------------|-----|--|------------------|-----------------|----|-----------|------------|
| | | Thu | Chi | | | Nợ | Có | | |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | | - Số tồn đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ | | | | | |
| | | | | - Cộng phát sinh trong kỳ | x | | | x | x |
| | | | | - Số dư cuối kỳ | x | | X | | X |

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S07a-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch:.....

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi:.....

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Số tiền | | | Ghi chú |
|-------------------|----------|-------------|---|-------------------|---------------|--------------|---------|---------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Thu (gửi vào) | Chi (rút ra) | Còn lại | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | F |
| | | | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ | | | | | |
| | | | - Cộng phát sinh trong kỳ | x | | | x | x |
| | | | - Số dư cuối kỳ | x | x | x | | x |

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:....

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S07a-DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm:.....

Tên tài khoản:.....

Số hiệu:.....

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|------------|----------------|--|---------------|-------------|--------------------------|---------|----|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | Trang số | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | - Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | - Cộng phát sinh trong tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu tháng | | | | | |

- Sổ này có....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:....

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.2.4. Hạch toán tiền mặt tại quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Số tiền thường xuyên có tại quỹ được ấn định tùy thuộc vào quy mô tính chất hoạt động của doanh nghiệp và được ngân hàng thỏa thuận. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ do giám đốc doanh nghiệp chỉ định và chịu trách nhiệm gửi quỹ. Thủ quỹ không được nhờ người làm thay mình. Kế toán thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

1.2.4.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

❖ Nguyên tắc hạch toán:

- Chỉ phản ánh vào TK 111 số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập, xuất quỹ.

- Các khoản tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đo đong đếm số lượng, trọng lượng và giám định chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc trên một phần sổ.

❖ Các chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu-chi. Lệnh thu-chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu-chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu-chi sẽ tiến hành lập các phiếu thu-chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu-chi thủ quỹ ký tên, đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối tháng thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với báo cáo quỹ rồi nộp báo cáo quỹ và các chứng từ cho kế toán.

- Ngoài phiếu chi, phiếu thu là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như:

- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- + Giấy thanh toán tiền hàng
- + Hóa đơn bán hàng
- + Biên lai thu tiền
- + Bảng kiểm kê quỹ
- + Bảng kê chi tiền ...

- Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ cuối tháng.

- “ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a – DN tương tự Sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “Tài khoản

đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK 111 – Tiền mặt.

- Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có: Sổ Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền (đối với hình thức Nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ

❖ Nguyên tắc hạch toán

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

- Bên có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo mooth trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước – xuất trước, Nhập sau – xuất trước, Thực tế đích danh.

- Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng kế toán).

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng Đồng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại:

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ

Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có

❖ **Hạch toán thu đổi với ngoại tệ:**

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang đồng Việt Nam.

❖ **Hạch toán chi đổi với ngoại tệ:**

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu có chênh lệch tỷ giá giữa thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái)

❖ **Thời điểm cuối năm tài chính**

Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK 4132) và hoạt động của sản xuất kinh doanh (TK 4131)

Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

- + Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.
- + Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413- Chênh lệch tỷ giá, chỉ được sử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá bán ra của ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản 711- "Thu nhập từ hoạt động tài chính" hoặc TK 811- Chi phí cho hoạt động tài chính.

* Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ :

- Các loại tỷ giá :

- + Tỷ giá thực tế: là tỷ giá ngoại tệ được xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan như giá mua, tỷ giá do ngân hàng công bố.
- + Tỷ giá hạch toán: là tỷ giá ổn định trong một kỳ hạch toán, thường được xác định bằng tỷ giá thực tế lúc đầu kỳ.

- Cách xác định tỷ giá thực tế nhập, xuất quỹ như sau:

- + Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do Ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.
- + Tỷ giá xuất quỹ có thể tính theo nhiều phương pháp khác nhau như nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tỷ giá bình quân, tỷ giá hiện tại.....
- + Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ được tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.
- + Tỷ giá của các loại ngoại tệ đã hình thành tài sản được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp)

c/ Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK

111(1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp bình quân gia quyền, Nhập trước – xuất trước, Nhập sau – xuất trước, Thực tế đích danh.

Ở các doanh nghiệp có vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.4.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt

❖ Các quy định chung

- Hạch toán tiền mặt sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực nhập, xuất quỹ tiền mặt

- Những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tài khoản này thì phản ánh vào tài khoản 111(1113).

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng

Kế toán tổng hợp chi tiết tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như phiếu thu, phiếu chi, các lệnh chi, các hợp đồng, bảng kê, nhật ký, sổ cái.

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền, kế toán sẽ lập phiếu thu (phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền, sau đó kế toán phần hành sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào Sổ quỹ tiền mặt, Sổ

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành
cái và các sổ có liên quan. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và báo cáo kế toán khác.

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh**

* **Bên nợ:**

- + Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.
- + Số tiền mặt thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.

* **Bên có:**

- + Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vàng, bạc hiện tồn quỹ.
- + Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.

***Số dư bên nợ:** Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 (Tiền Việt Nam):* phản ánh tình hình thu, chi thừa thiếu, tồn quỹ Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp.

- *Tài khoản 1112 (Tiền ngoại tệ):* phản ánh tình hình thu, chi thừa thiếu điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam.

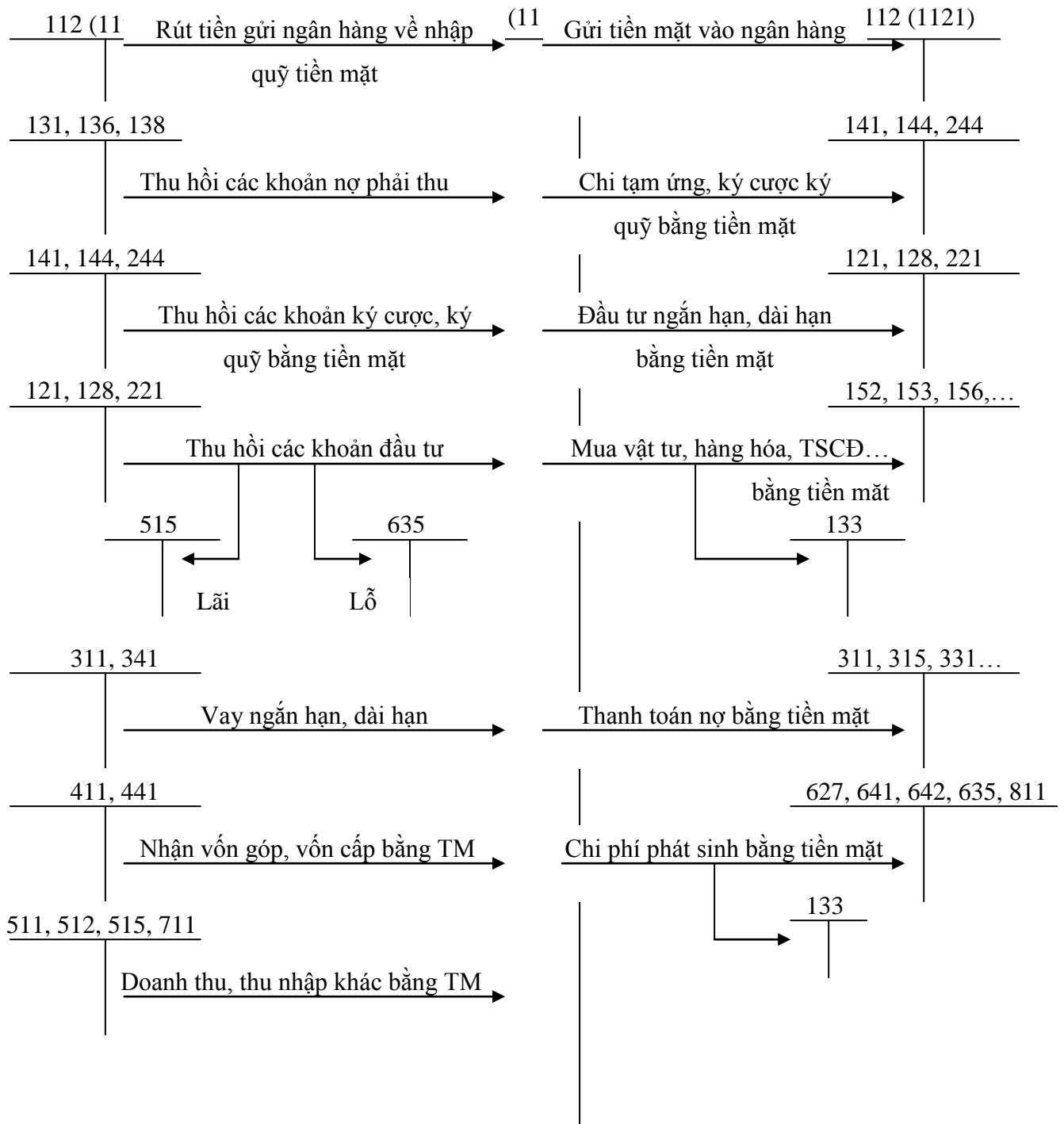
- *Tài khoản 1113 (Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý):* phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, xuất thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

Cơ sở pháp lý để ghi Nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi Có TK 111 là các phiếu chi

❖ **Sơ đồ kế toán tổng hợp**

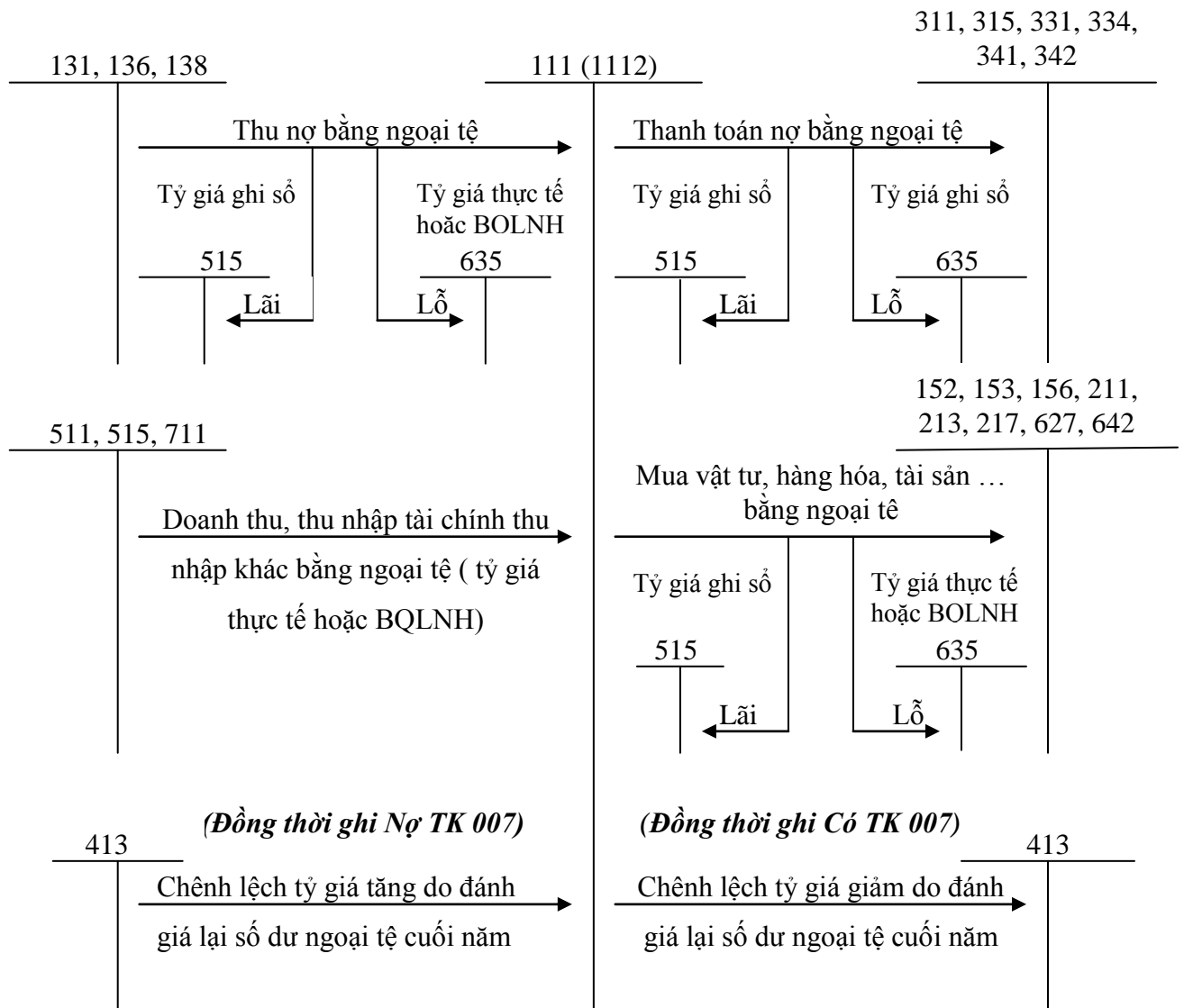
a. *Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam*

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VNĐ)

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2:



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007- Ngoại

Sơ đồ 1.2: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (NGOẠI TỆ)

1.2.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán. Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyên tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.5.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng

a. Đối với tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam

❖ Nguyên tắc hạch toán

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán

- Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của Ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các Tài khoản chờ xử lý. (TK 138.3- tài sản thiếu chờ xử

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành lý, TK 338.1- Tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở TK TGNH ở nhiều Ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

❖ Các chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của ngân hàng
- Các chứng từ khác: séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

- Các sổ sách: Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ chi tiết bán hàng, Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng...

b. Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ

❖ Nguyên tắc hạch toán:

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 112 theo 1 trong các phương pháp: bình quân gia quyền, Nhập trước – xuất trước, Nhập sau – xuất trước, Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (kể cả hoạt động đầu to XDCB của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động to XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các tài khoản này được hạch toán vào bên có tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc bên nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu to XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trực hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất kinh doanh vào TK 4131.

❖ - Các chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của ngân hàng
- Các chứng từ khác: séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

- Các sổ sách: Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ chi tiết bán hàng, Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng...

❖ Phương pháp hạch toán

** Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh:*

1) Khi mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ thanh toán bằng tiền gửi ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch ghi:

Nợ TK 151, 152, 153,...133 (theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch ghi:

Nợ TK 151, 152, 153,...133 (theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 112 (1122) – Theo tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

2) Khi thanh toán nợ phải trả:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ:

Nợ TK 311, 315, 331, 336, ...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ:

Nợ TK 311, 315, 331, 336, ...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – Doanh thu tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

3) Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ :

Nợ TK 112 (1122) - Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao BQLNH

Có TK 511, 515, 711.. - Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao

BQLNH

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

4) Khi thu được tiền nợ các khoản phải thu bằng ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ:

Nợ TK 112 (1122) – Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 131, 136, 138...- Tỷ giá giao dịch ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ:

Nợ TK 112 (1122) – Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 – Doanh thu tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131, 136, 138...- Tỷ giá giao dịch ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

** Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ của hoạt động đầu tư, XD CB.*

1) Mua vật tư, dịch vụ, TSCĐ thiết bị...do bên bán hoặc bên nhận thầu bàn giao:

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giao dịch bằng ngoại tệ:

Nợ TK 151, 152, 211, 213... - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giao dịch bằng ngoại tệ:

Nợ TK 151, 152, 211, 213... - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

2) Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ;

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giao dịch bằng ngoại tệ:

Nợ TK 311, 315, 331, 336...- Tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giao dịch bằng ngoại tệ:

Nợ TK 311, 315, 331, 336...- Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) – Tỷ giá ghi sổ kế toán

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (Ngoài bảng CĐKT)

3) Hàng năm, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” cho đến khi hoàn thành đầu tư XDCB và được xử lý, hạch toán theo quy định

* Kế toán đánh giá lại cuối năm các khoản tiền gửi ngoại tệ

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính (tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB và của hoạt động sản xuất kinh doanh

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái:

Nợ TK 112 (1122)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 112 (1122)

1.2.5.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng

❖ Các quy định chung

- Căn cứ để hạch toán trên TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc các bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi...), bảng kê, Nhật ký, Sổ cái.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (TK 4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất kinh doanh vào TK 4131.

❖ **Các chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Bản sao kê, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi
- Các bảng kê, Nhật ký chung, Sổ cái, các sổ tổng hợp có liên quan

❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh**

***Bên nợ:**

- + Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng
- + Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

***Bên có:**

- + Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng.
- + Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

***Số dư bên nợ:** Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện có gửi tại ngân hàng.

Tài khoản 112 gồm 3 tài khoản cấp 2:

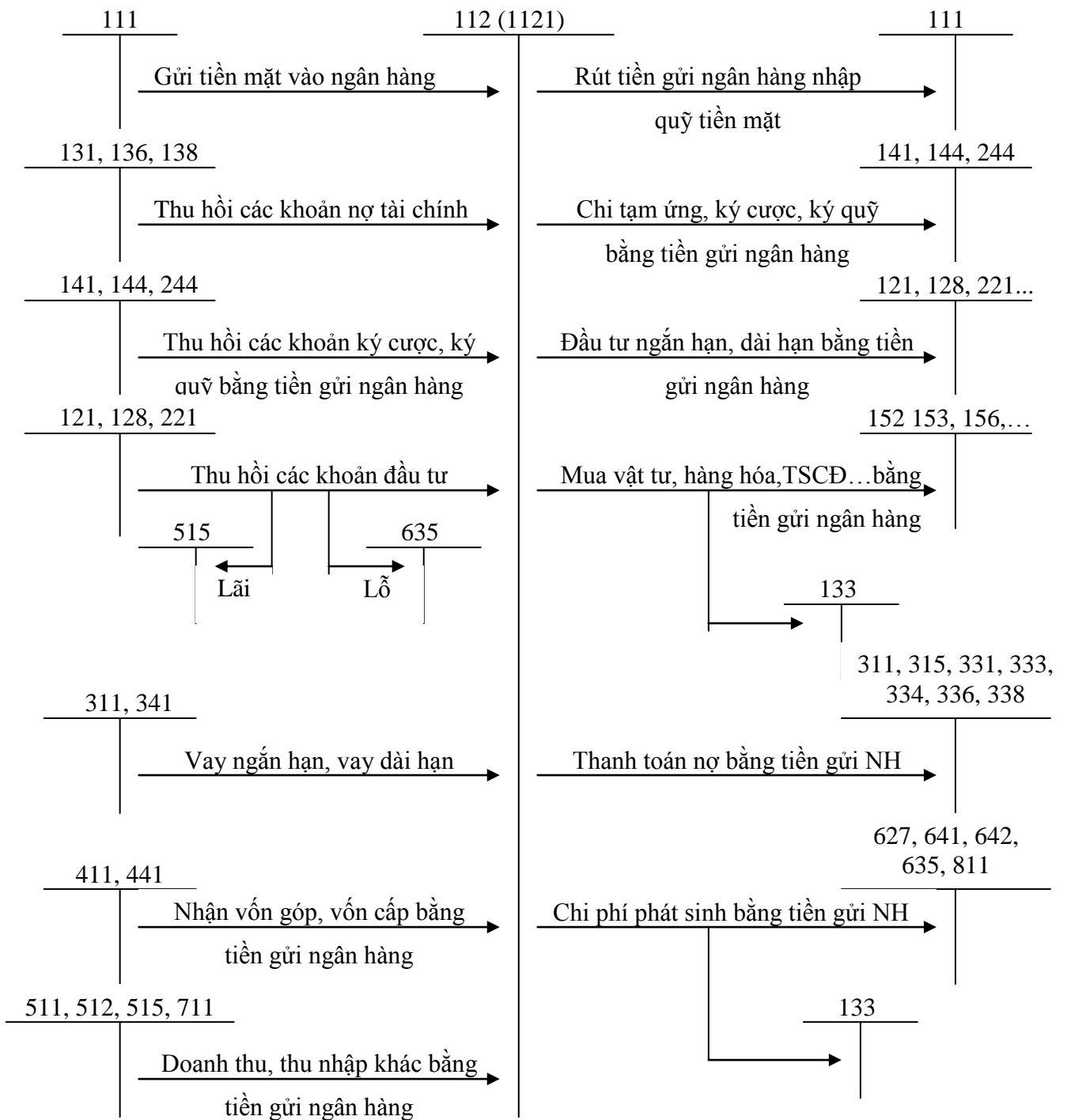
- *Tài khoản 1121 (Tiền Việt Nam):* phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 (Tiền ngoại tệ):* phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1123 (Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý):* phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

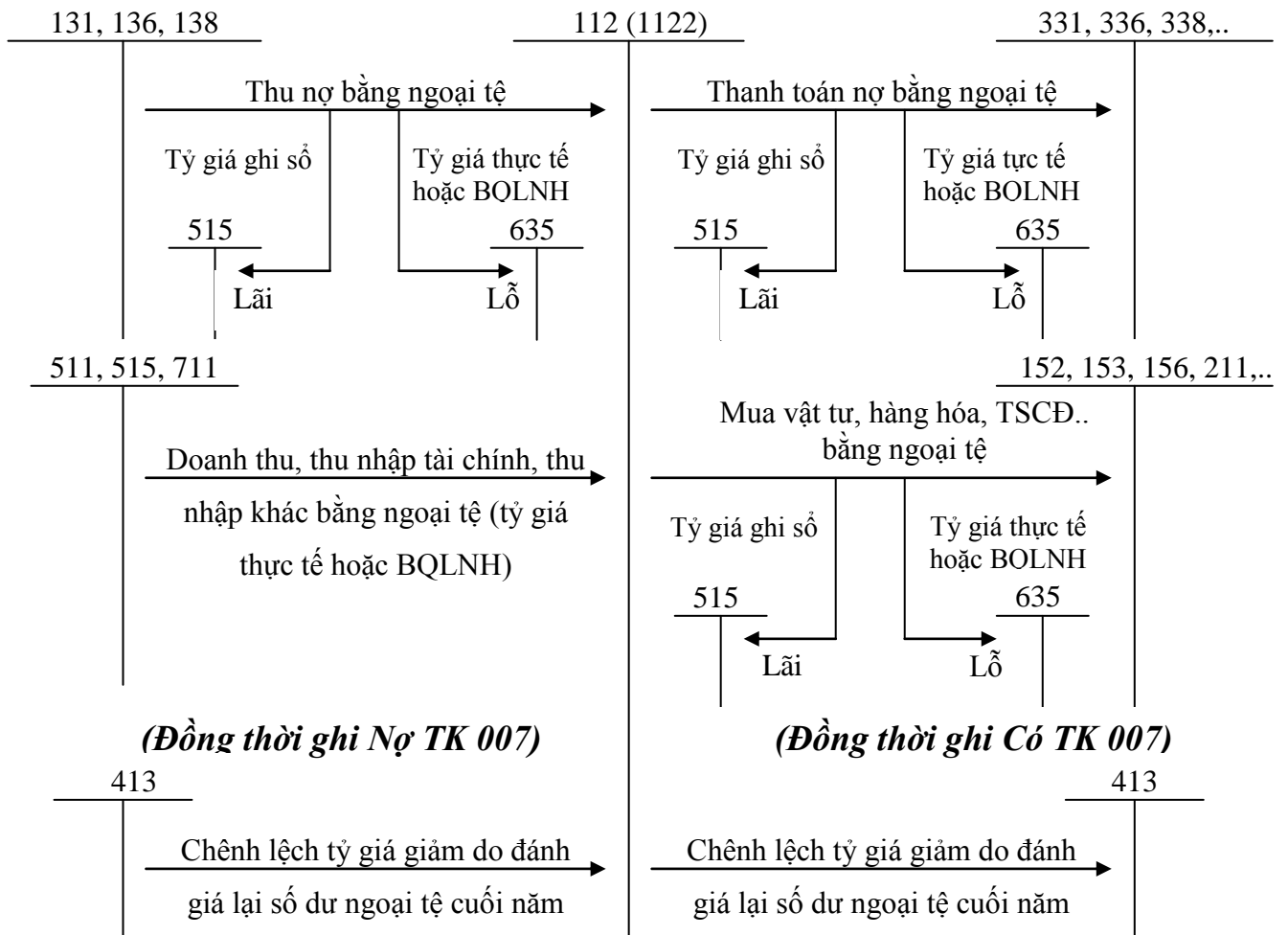
❖ **Sơ đồ kế toán tổng hợp**

a. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam



Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VNĐ)

b. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ



Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (NGOẠI TỆ)

1.2.6. Hạch toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền ...

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ khác như: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

*** Bên nợ:**

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đang chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển vào cuối kỳ

*** Bên có :**

- Số kết chuyển vào TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

*** Số dư bên nợ:** Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ

Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển có 2 TK cấp 2:

- TK 1131 – Tiền Việt Nam: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
- TK 11312 – Ngoại tệ : phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

❖ Nguyên tắc hạch toán

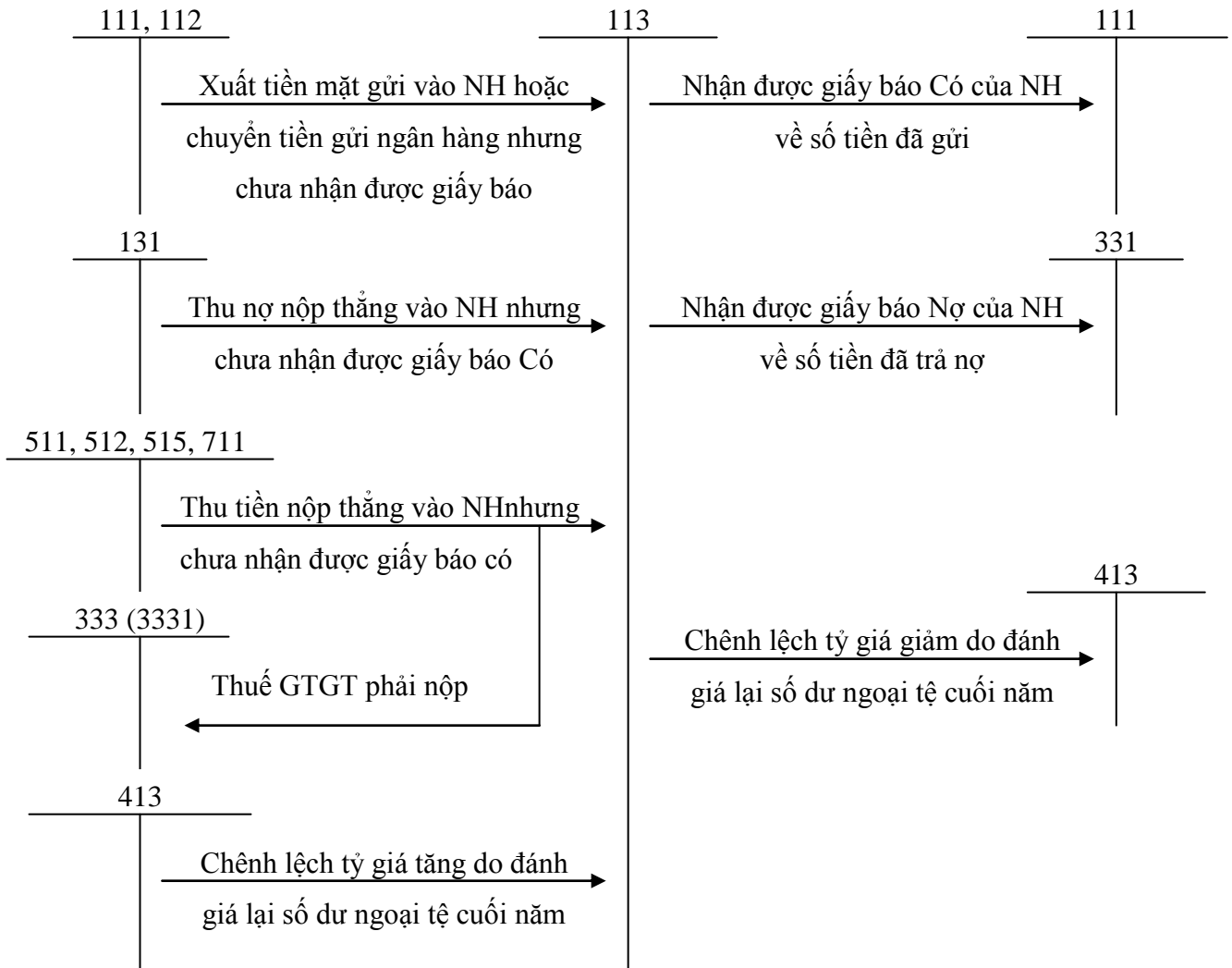
Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng Kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay bản kê của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc chuyển thẳng cho ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho các đơn vị khác
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ, hoặc giấy báo Có..

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý :

- Séc bán hàng thu được phải nộp ngay vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng

❖ Sơ đồ kế toán tổng hợp



Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

2.1.1.1. Thông tin chung về công ty

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành được thành lập ngày 12 tháng 10 năm 2002 theo giấy phép kinh doanh số 0203000293 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Tên tiếng việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH**
- Giám đốc : **Nguyễn Thành Lương**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 276 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**
- Địa chỉ chi nhánh: **Cửa hàng Thành Lương _ Số 21, Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**
- Điện thoại : **(031) 621121**
- Fax : **(031) 840426**
- Mã số thuế : **0200489620**
- Tài khoản : **009704060004426**
- Tại ngân hàng: **VIB chi nhánh tại Hải Phòng**

2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Trải qua hơn 8 năm thành lập và lớn mạnh, công ty đã và đang được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng có sẵn của mình.

Dưới đây là một số những kết quả đạt được của công ty trong những năm vừa qua:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 |
|-----|---------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Tổng tài sản | 6.256.798.218 | 6.857.097.230 | 7.235.897.135 |
| 2 | Nguồn vốn CSH | 875.678.975 | 912.345.567 | 1.085.456.237 |
| 3 | Nợ phải trả | 1.421.567.670 | 1.190.653.320 | 1.598.536.098 |
| 4 | Tổng doanh thu | 6.568.102.000 | 7.124.895.200 | 8.210.345.210 |
| 5 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 637.204.730 | 845.230.000 | 970.850.640 |

Qua bảng tổng hợp các chỉ tiêu trong một vài năm gần đây của công ty ta có thể đưa ra một vài nhận xét sau:

Tổng doanh thu năm 2009 tăng 5.014.679.000 đồng (tương đương 7,5%) so với năm 2008. Năm 2010 tăng 9.438.760.200 đồng (12,5%) so với năm 2009. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2009 tăng 426.765.567 đồng (16,35%) so với năm 2008. Năm 2010 tăng 309.247.040 đồng (10,3%) so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng 306.829.150 đồng (28,35%) so với năm 2008. Năm 2010 tăng 150.565.900 đồng (11,2%) so với năm 2006.

Ta thấy tổng tài sản, tổng doanh thu, tổng lợi nhuận sau thuế đều tăng qua các năm 2009, 2010. Mặc dù tốc độ tăng tài sản, doanh thu năm 2009 đều lớn hơn tốc độ tăng của năm 2008 nhưng lợi nhuận lại không bằng tốc độ tăng của năm 2008, đó có thể là do chi phí nguyên vật liệu tăng nhưng điều đó không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua bảng số liệu trên đây ta có thể thấy được tình hình sản xuất kinh của doanh nghiệp tăng nhanh trong những năm gần đây điều đó chứng tỏ công ty hoạt động ngày càng hiệu quả và phát triển hơn.

2.1.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- *Hình thức sở hữu vốn:* Công ty cổ phần
- *Lĩnh vực kinh doanh :* Kinh doanh thương mại và dịch vụ

- *Ngành nghề kinh doanh :*

- + Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- + Dịch vụ tư vấn thiết kế
- + Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất.

2.1.1.4. Mục tiêu của công ty

- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành được thành lập với mục tiêu sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, công ty hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, thống nhất nhằm mục đích tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và không ngừng đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo pháp luật quy định, phát triển công ty ngày một vững mạnh hơn trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

- Bên cạnh đó công ty cũng đang ngày một khẳng định mình trên thị trường, không ngừng đầu tư về chiều sâu, phát triển về chiều rộng các hệ thống đại lý bán buôn và bán lẻ mặt hàng của công ty, đa dạng mẫu mã các mặt hàng.

2.1.1.5. Những thuận lợi, khó khăn của công ty

** Thuận lợi:*

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên

- Công ty không những duy trì tốt mối quan hệ với các bạn hàng cũ mà còn mở rộng hợp tác với bạn hàng mới với mục tiêu mở rộng địa bàn kinh doanh.

- Các sản phẩm của công ty ngày càng đa dạng đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, bên cạnh đó công ty có địa bàn nằm trên phố lớn, tạo thuận lợi cho việc kinh doanh.

** Khó khăn:*

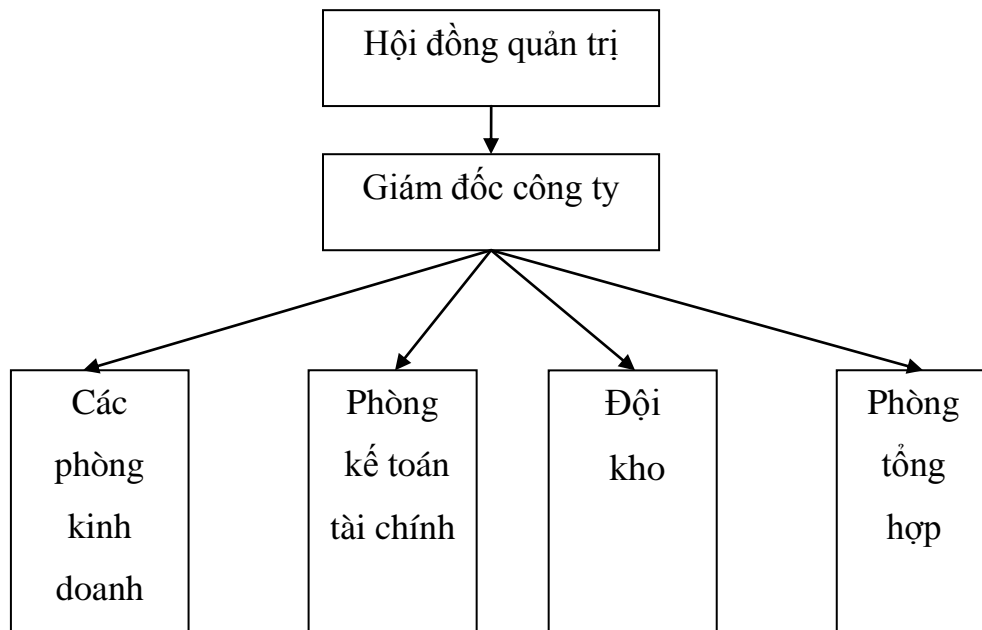
- Công tác thanh toán quyết toán với chủ đầu tư ở một số công trình còn chậm, do đó ảnh hưởng đến thu hồi vốn, làm cho vòng quay vốn không đảm bảo, chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay ngân hàng.

- Hiện nay có thị trường đang phát triển rất mạnh vì vậy công ty có rất nhiều các doanh nghiệp cạnh tranh vì vậy đòi hỏi công ty phải luôn cố gắng phát triển, khắc phục những khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức của công ty

2.1.2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Công ty hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Công ty xây dựng theo cơ cấu quản lý tổ chức điều hành theo hệ trực tuyến chức năng, cơ cấu tổ chức quản lý tương đối gọn nhẹ và hợp lý. Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty:



Sơ đồ 2.1 : BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

a. Hội đồng quản trị

Là cơ quan cao quản lý cao nhất của công ty, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị gồm 3 người. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 3 năm và có thể tái cử, trong nhiệm kỳ Đại hội cổ đông hàng năm có thể bãi miễn hoặc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm công việc hết kỳ hạn.

b. Giám đốc công ty

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước Nhà

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

nước về mọi hoạt động kinh doanh, có quyền tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi nhiệm cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của công ty. Chịu trách nhiệm về công ăn việc làm, về đời sống vật chất tinh thần và mọi quyền lợi hợp pháp khác cho cán bộ công nhân viên.

c. Phòng kinh doanh

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh

d. Phòng kế toán hành chính

Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng khai thác và quản lý nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh của công ty. Thực hiện công các hạch toán, thông kê theo quy định của Nhà nước, phân tích hoạt động kinh tế để cung cấp các thông tin về hiệu quả kinh doanh, về tài sản của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

e. Phòng tổng hợp

- Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế của công ty. Thực hiện chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của người lao động. Tham mưu với giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, đôn đốc nhân viên chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của công ty.

- Xây dựng và chỉ đạo kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm. Kế hoạch giá thành sản phẩm, thống kê tổng hợp tiêu thụ sản phẩm, chi tiêu tài chính..

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời các vật tư, nguyên liệu và công tác quản lý.

- Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, phục vụ bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

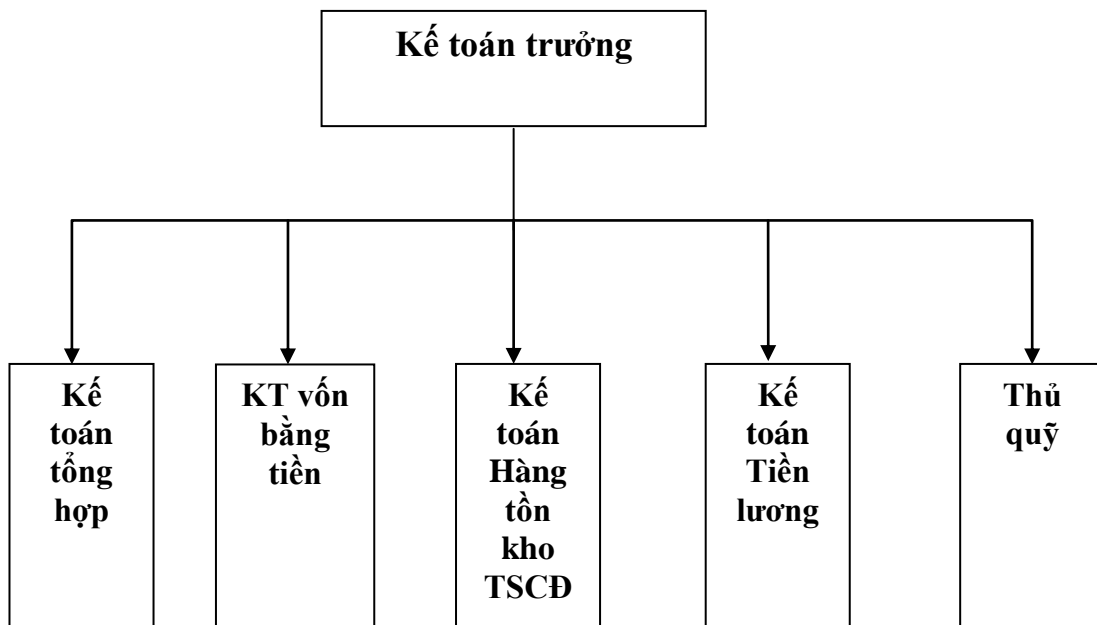
f. Đội kho

- Quản lý toàn bộ hệ thống kho hàng của công ty. Nhập xuất vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và chịu trách nhiệm về tỷ lệ hao hụt vật tư, nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho và khâu giao nhận.

- Chịu trách nhiệm vận chuyển trong quá trình mua hàng hóa. Đảm nhiệm việc kiểm tra vật tư trong quá trình xuất nhập vật tư

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

2.1.3.1 Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty



Sơ đồ 2.2 : MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

a. Kế toán trưởng

- Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

b. Kế toán tổng hợp

- Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp, kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp, hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao TSCĐ, công nợ, lập quyết toán văn phòng công ty, lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

c. Kế toán vốn bằng tiền

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kiểm toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

d. Kế toán tài sản cố định

- Kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn.

e. Kế toán tiền lương

- Nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung (đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm). Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

f. Thủ quỹ

- Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại công ty, thu chi tiền khi có chứng từ của kế toán đưa sang. Cuối ngày báo cáo tồn quỹ với kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với kế toán trưởng.

2.1.4. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

2.1.4.1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp kiểm kê hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng

➤ *Hệ thống kế toán bao gồm:*

- + Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

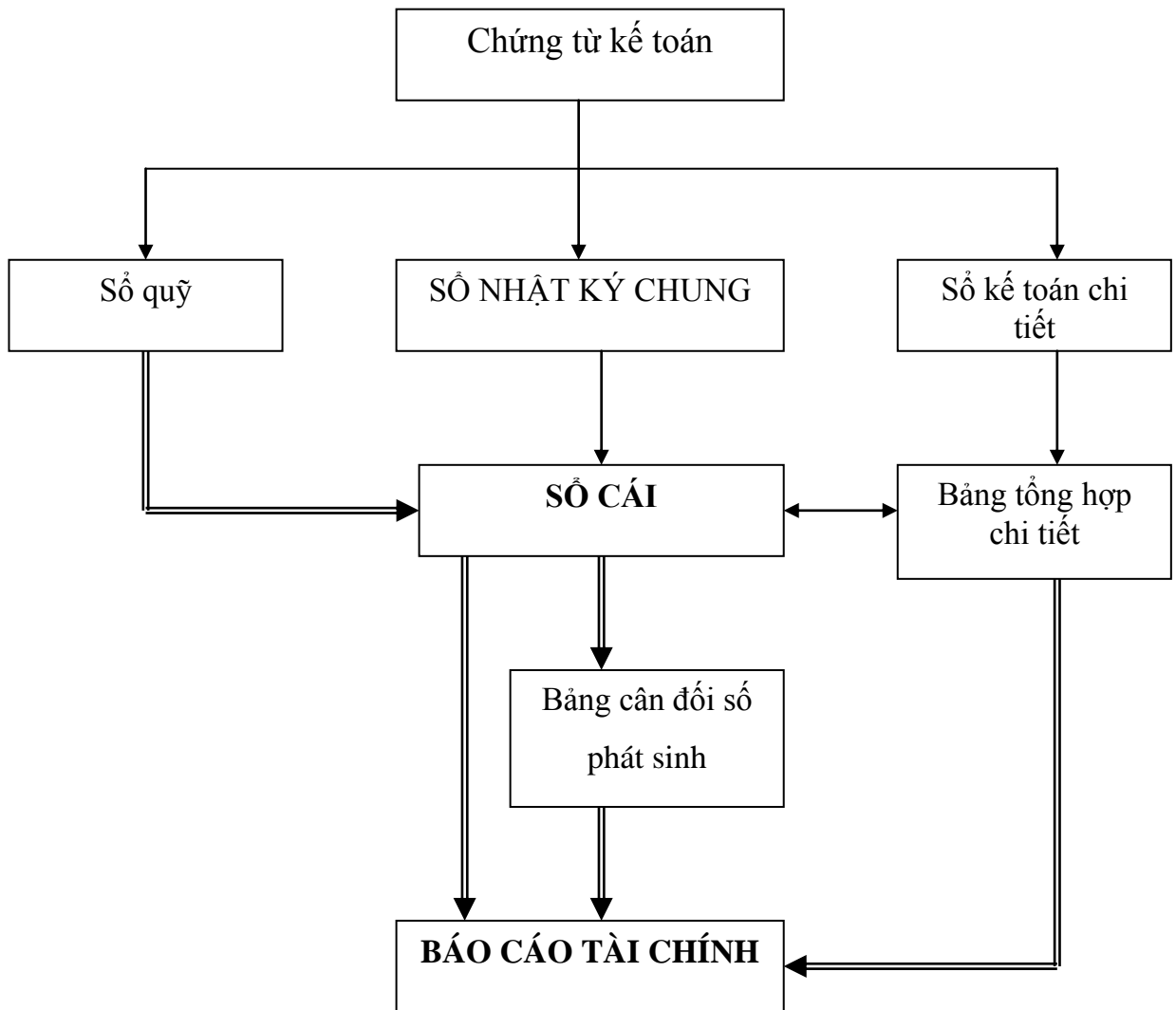
2.1.4.2. Hình thức kế toán

- *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán: “Nhật ký chung”*

- *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó kế toán lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3 : TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

- Các loại sổ kế toán chủ yếu:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái

+ Sổ kế toán chi tiết

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung.

2.1.5. Đánh giá chung tình hình của công ty

Đứng trước nhiều khó khăn, công ty đã chủ động trong quản lý kinh doanh, tìm ra những bước đi đúng, tích cực năng động trong mở rộng thị trường, phát huy được những thế mạnh và khắc phục được những hạn chế. Đồng thời cũng đóng góp cho Nhà nước và toàn xã hội những lợi ích to lớn trong giai đoạn mở rộng hội nhập kinh tế.

2.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty luôn phải có vốn nhất định. Ngoài vốn cố định công ty còn phải có một số vốn lưu động đủ để tiến hành sản xuất kinh doanh. Trong vốn lưu động thì vốn bằng tiền là rất quan trọng bởi vốn bằng tiền có thể sử dụng trực tiếp để chi trả những khoản mua sắm, hay để trả lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản chi phí khác bằng tiền.

Vốn bằng tiền hiện có của công ty bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi các khoản tiền này.

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 111: Tiền mặt

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

- Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

+ Phiếu thu

+ Phiếu chi

+ Hóa đơn GTGT

+ Biên lai thu tiền...

+ Sổ quỹ tiền mặt

+ Sổ chi tiết tiền mặt

+ Sổ cái tiền mặt...

2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu, chi tiền mặt tại quỹ của công ty. Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập thành 3 liên đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký của người thu, người nhận, người cho phép xuất nhập quỹ sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt. Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập hoặc xuất tiền, thủ quỹ phải đóng dấu đã thu hoặc đã chi và ký tên, giữ một liên để lưu sổ quỹ, một liên giao cho người nộp hoặc nhận tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ.

❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng

❖ Tài khoản sử dụng: TK 111 - Tiền mặt. Tài khoản tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2 nhưng công ty chỉ sử dụng một tài khoản cấp 2 là TK 1111: Tiền Việt Nam tại quỹ.

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu thu

+ Phiếu chi

+ Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào, bán ra...

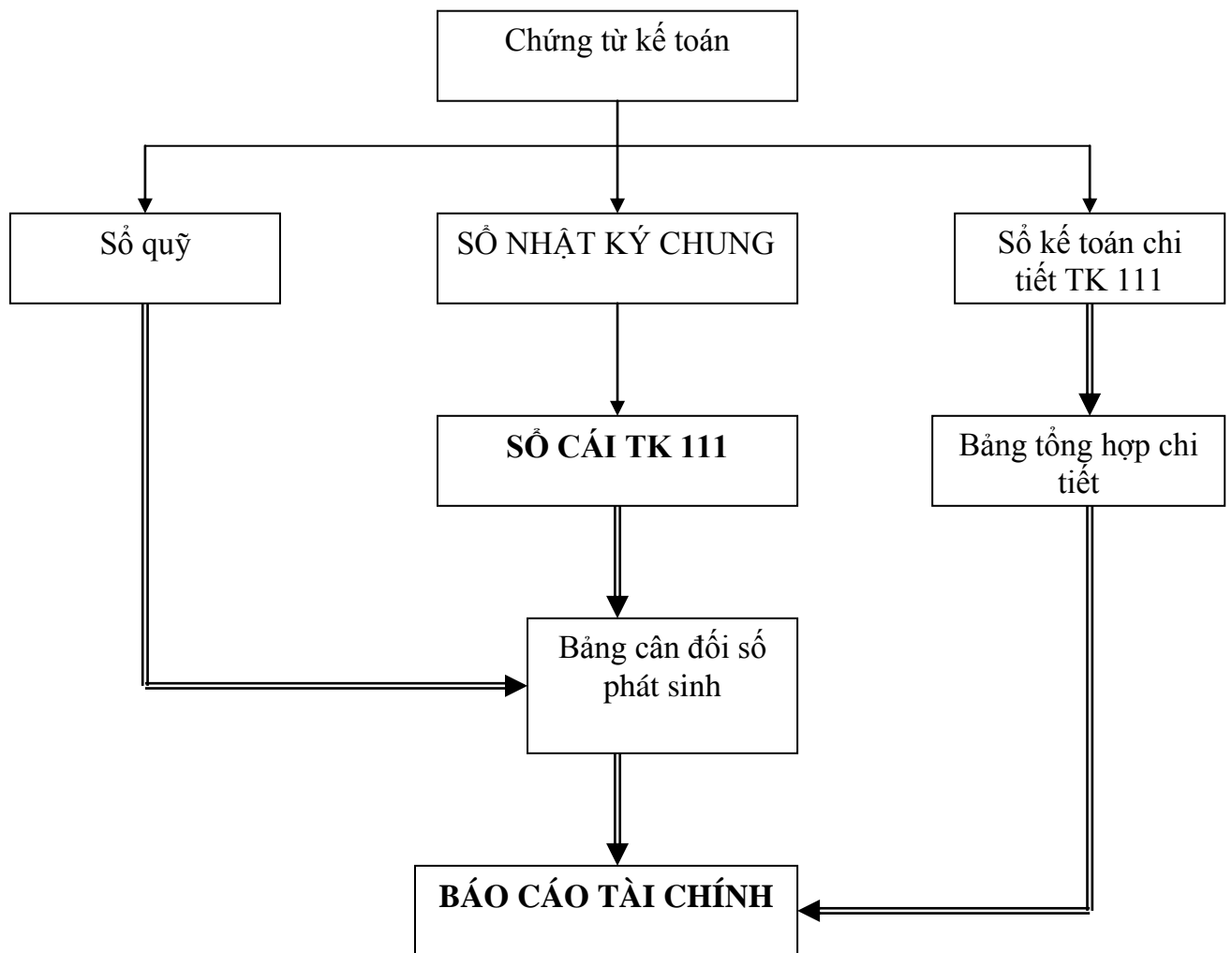
❖ Sổ sách sử dụng:

+ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 111

+ Sổ quỹ tiền mặt

❖ Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
-> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN MẶT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

- Căn cứ vào chứng từ thu chi hàng ngày thủ quỹ vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết tài khoản tiền mặt. Đến cuối tháng thủ quỹ và kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung.

2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a/ Kế toán các nghiệp vụ giảm tiền mặt tại quỹ

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- + Chi tạm ứng
- + Chi mua vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ
- + Chi thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên
- + Chi nộp ngân sách Nhà nước
- + Các khoản chi khác...

Ví dụ 1:

Ngày 5/12/2010 mua gạch 60*60 loại A, chậu L288T, chậu L239T của công ty TNHH TM Chí Chung theo hóa đơn GTGT số 005883, số tiền 79.560.000 chưa thuế GTGT 10%

➔ - Căn cứ hóa đơn GTGT (Biểu 01), phiếu chi (Biểu 02) kế toán phản ánh nghiệp vụ bằng bút toán sau:

Nợ TK 156 : 79.560.000

Nợ TK 133 : 7.956.000

Có TK 111 : 87.516.000

- Từ hóa đơn GTGT và phiếu chi kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 11) và Sổ quỹ tiền mặt (Biểu 12)

- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111 (Biểu 13)

- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ cái vào báo cáo tài chính.

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Biểu 01:

| HÓA ĐƠN | | | Mẫu số: 01GTKT-3LL | | |
|--|-----------------------|--|--|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Ký hiệu: SP/2010B | | |
| Liên 2: Giao khách hàng | | | 005883 | | |
| Ngày 5 tháng 12 năm 2010 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH THƯƠNG MẠI CHÍ CHUNG | | | | | |
| Mã số thuế: 0200681236 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 1 Hồ Sen - Phường Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Điện thoại: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Đại Thành | | | | | |
| Mã số thuế: 0200489620 | | | | | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | | Tại Ngân hàng: VIB Chi nhánh Hải Phòng | | |
| Địa chỉ: Số 276 Lạch Tray - P Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Chậu L288T | Cái | 10 | 400,000 | 4,000,000 |
| 2 | Chậu L2397T | Cái | 3 | 1,320,000 | 3,960,000 |
| 3 | Gạch 60 * 60 Loại A | Thùng | 200 | 358,000 | 71,600,000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 79.560.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT: | | | | | 7.956.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 87.516.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng chẵn./. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | |

Biểu 02:

CTY CỔ PHẦN SX TM ĐẠI THÀNH

Số 276-Lạch Tray- Ngô Quyền

Mẫu số: 01 -VT

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Số CT: 23

Nợ TK 156: 79.560.000

Có TK 111: 79.560.000

Họ tên người giao hàng: **Công ty TNHH Chí Chung**

Địa chỉ: *Số 1 Hồ Sen - Phường Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng*

| Số TT | Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|---|-------|-------------|---------------|-----------|-----------|------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Chậu L288T | | Cái | 005883 | 10 | 400.000 | 4.000.000 |
| 2 | Chậu L239T | | Cái | 005883 | 3 | 1.320.000 | 3.960.000 |
| 3 | Gạch 60*60 | | Thùng | 005883 | 200 | 358.000 | 71.600.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 79.560.000 |

Số tiền bằng chữ: *Bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.*

Ngày 5 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 03:

Đơn vị: Công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Mẫu 01-TT

Địa chỉ: Số 276 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số:015

Ngày 5 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 156 : 79.560.000

Nợ TK 133 : 7.956.000

Có TK 111 : 87.516.000

Tên người nhận : CÔNG TY TNHH CHÍ CHUNG

Địa chỉ : Số 1 Hồ Sen-Phường Trại Cau-Lê Chân-Hải Phòng

Lý do chi : Trả tiền mua gạch

Số tiền : 87.516.000

(Viết bằng chữ) : *Tám mươi bảy triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng chẵn*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập biểu | Thủ quỹ |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|
| (ký,họ tên) | (ký,họ tên) | (ký,họ tên) | (ký,họ tên) | (ký,họ tên) |

Ví dụ 2:

Ngày 12 tháng 12 anh Nguyễn Thành Công đề nghị tạm ứng tiền sửa thiết bị văn phòng cho công ty với số tiền 5.500.000 đồng

- ➔
- Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng (Biểu 04) (đã được sự đồng ý của giám đốc và kế toán trưởng) kế toán lập phiếu chi (Biểu 05).
 - Từ phiếu chi kế toán vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt.
 - Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111 (Biểu 13).
 - Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ cái vào báo cáo tài chính.

Biểu 04:

Đơn vị: Công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Mẫu 03 - TT

Địa chỉ: Số 276 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Giám đốc công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Tên tôi là: Nguyễn Thành Công

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 5.500.000 đồng

(Viết bằng chữ: năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Sửa thiết bị văn phòng

Thời hạn thanh toán: 23/12/2010

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập biểu

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu 05

Đơn vị: Công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Mẫu 01-TT

Địa chỉ: Số 276 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 020

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Nợ 642 : 5.500.000

Có 111 : 5.500.000

Tên người nhận : Nguyễn Thành Công

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi : Tạm ứng

Số tiền : 5.500.000

(Viết bằng chữ) : Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập biểu

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành
b/ Kế toán các nghiệp vụ tăng tiền mặt tại quỹ

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm các khoản:

- + Thu từ việc bán hàng hóa, kinh doanh các dịch vụ
- + Thu tiền tạm ứng
- + Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng
- + Các khoản thu khác

Ví dụ 3:

Ngày 20/12/2010 bán gạch đặc cho công ty Xây lắp và tư vấn thiết kế số lượng là 116.300 thùng theo hóa đơn GTGT số 005768 với số tiền là 127.930.000 chưa có thuế GTGT 10% đã thu bằng tiền mặt, giá thực tế xuất kho 1116.300.000.

→ Căn cứ vào hoá đơn GTGT(biểu 03), phiếu xuất kho (biểu 04) kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán:

+Nợ 632 : 116.300.000

Có 156 : 116.300.000

+Nợ TK 111 : 140.723.000

Có TK 511 : 127.930.000

Có TK 3331 : 12.793.000

- Từ hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 11) đồng thời vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu 12) và sổ chi tiết tiền mặt

- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111 (Biểu 13)

- Từ sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

Biểu 06:

CTY CỔ PHẦN SX TM ĐẠI THÀNH

Mẫu số: 01 -VT

Số 276-Lạch Tray- Ngô Quyền

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT

Số: 129

Nợ TK 632: 116.300.000

Có TK 156: 116.300.000

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hùng

Diễn giải: Xuất hàng bán cho công ty xây lắp và tư vấn thiết kế

Xuất tại kho: **Kho công ty**

| TT | Tên vật tư(hàng hoá) | Mã số | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------|------|----------|---------|-------------|---------|
| 1 | Gạch đặc | | viên | 116.300 | 1000 | 116.300.000 | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | 116.300.000 | |

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Phụ trách phòng

(ký, họ tên)

Phụ trách cung tiêu

(ký, họ tên)

Người giao hàng

(ký, họ tên)

Người lập

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Biểu 07:

| 01GTKT-3LL | | HÓA ĐƠN | | Mẫu số: | |
|--|-----------------------|--|--|---|-------------|
| SP/2010B | | GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu: | |
| | | Liên 3: Nội bộ | | 0005768 | |
| Ngày 20 tháng 12 năm 2010 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: C.TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH | | | | | |
| Mã số thuế: 0200489620 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 276- Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | | Tại Ngân hàng: VIB Chi nhánh Hải Phòng | | |
| Điện thoại: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây lắp và tư vấn thiết kế | | | | | |
| Mã số thuế: 02001467903 | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Địa chỉ: Số 276 Đinh Tiên Hoàng - Ngô Quyền - Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Gạch đặc | viên | 116.300 | 1100 | 127.930.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 127.930.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT: | | | | | 12.793.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 140.723.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn./. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | |

Biểu 08:

Đơn vị: Công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Số: 058

Mẫu 01-TT

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nợ TK 111 : 140.723.000

Có TK 511 : 127.930.000

Có TK 3331 : 12.793.000

Họ tên người nộp : Công ty CP xây lắp và tư vấn thiết kế

Địa chỉ : Số 274-Lê Lợi-Lê Chân-Hải Phòng

Lý do nộp : Trả tiền mua gạch

Số tiền : 140.723.000

(Viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người nộp tiền

(ký, họ tên)

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Ví dụ 4:

Ngày 8/12/2010 công ty Hoa Sen thanh toán tiền mua hàng ngày 2/12/2010 với số tiền 10.559.000

- ➔
- Căn cứ vào giấy nộp tiền kế toán lập phiếu thu (Biểu 10)
 - Từ phiếu thu kế toán vào sổ Nhật ký chung đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết tiền mặt.
 - Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111
 - Từ sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh.
 - Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

Biểu 09:

GIẤY NỘP TIỀN

Họ và tên : Công ty TNHH Hoa Sen

Địa chỉ : 12/276 Lê Thánh Tông/Hà Nội

Lý do nộp tiền : Thanh toán tiền mua hàng

Số tiền : 10.559.000

Viết bằng chữ : Mười triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn

Ngày 8 tháng 12 năm 2010

Biểu 10:

Đơn vị: Công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Số: 035

Mẫu 01-TT

PHIẾU THU

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC

Ngày 8 tháng 12 năm 2010

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tên người nộp : Công ty TNHH Hoa Sen

Địa chỉ : Số 12/276 Lê Thánh Tông/ Hà Nội

Lý do nộp : Trả tiền mua gạch

Số tiền : 140.723.000

(Viết bằng chữ) : Một trăm bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 8 tháng 12 năm 2010

| | | | | |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập biểu | Thủ quỹ |
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Biểu 11:

CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

SỐ 276 – Lạch Tray – Ngô Quyền

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|--|--|------------------------------------|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | |
| 1/12 | PC003 | 1/12 | Mua gương kính của công ty Bạch Mã | 156 133 111 | 6.909.090 690.910 | 7.600.000 |
| 5/12 | PC015 | 5/12 | Mua gạch của công ty TNHH Chí Chung | 156 133 111 | 79.560.000 7.956.000 | 87.516.000 |
| | | | | | | |
| 6/12 | PT022 | 6/12 | Công ty TNHH VIPCO trả tiền mua gạch bằng tiền gửi NH | 112 131 | 101.134.000 | 101.134.000 |
| | | | | | | |
| 8/12 | PT035 | 8/12 | Công ty Hoa Sen thanh toán tiền hàng | 111 131 | 10.559.000 | 10.559.000 |
| | | | | | | |
| 12/12 | PC020 | 12/12 | Nguyễn Thành Công đề nghị tạm ứng tiền sửa thiết bị | 642 111 | 5.500.000 | 5.500.000 |
| 13/12 | PC022 | 13/12 | Mua 1 máy điều hòa của công ty Samnec | 211 133 111 | 8.000.000 800.000 | 8.800.000 |
| | | | | | | |
| 20/12 | PT58 | 20/12 | Bán gạch đặc cho công ty xây lắp và tư vấn thiết kế | 632 156 111 511 333 | 116.300.000 140.723.000 | 116.300.000 127.930.000 12.793.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang sau | | 5.358.397.938 | 5.358.397.938 |

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 12:

CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

SỐ 276 – Lạch Tray – Ngô Quyền

SỔ QUỸ TIỀN MẶT THÁNG

Năm: 2010

Loại quỹ: Tiền VN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày | Chứng từ | | Diễn giải | TK | Số tiền | | |
|--------------|---------------|---------------|---|---------------------------|---|---------------------------------------|--------------------|
| | Thu | Chi | | | Thu | Chi | Tồn |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | 665.850.000 |
| | | | | ... | ... | | ... |
| 01/12 | | PC 003 | Mua gương kính của công ty Bạch Mã | 156 133 | | 6.909.090 690.910 | |
| 05/12 | | PC 015 | Mua gạch của công ty TNHH Chí Chung | 156 133 | | 79.560.000 7.956.000 | |
| 06/12 | | PC 019 | Thanh toán tiền điện tháng 11 | 642 | | 1.500.000 | |
| | | | | | | | |
| 08/12 | PT 035 | | Công ty Hoa Sen thanh toán tiền hàng | 131 | 10.559.000 | | |
| 09/12 | GBC 23 | | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt | 112 | 10.000.000 | | |
| 12/12 | | PC 020 | Nguyễn Thành Công đề nghị thanh toán tiền sửa t.bị | 642 | | 5.500.000 | |
| | | | | | | | |
| 20/12 | PT 058 | | Bán hàng cho công ty xây lắp và tư vấn thiết kế | 511 3331 | 127.930.000 12.793.000 | | |
| | | | | ... | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 438.799.200 | 436.830.429 | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | 567.818.771 |

Ngày 31.tháng 12.năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

biểu 13:

CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

SỐ 276 – Lạch Tray – Ngô Quyền

SỔ CÁI

Tài khoản 111 : Tiền mặt

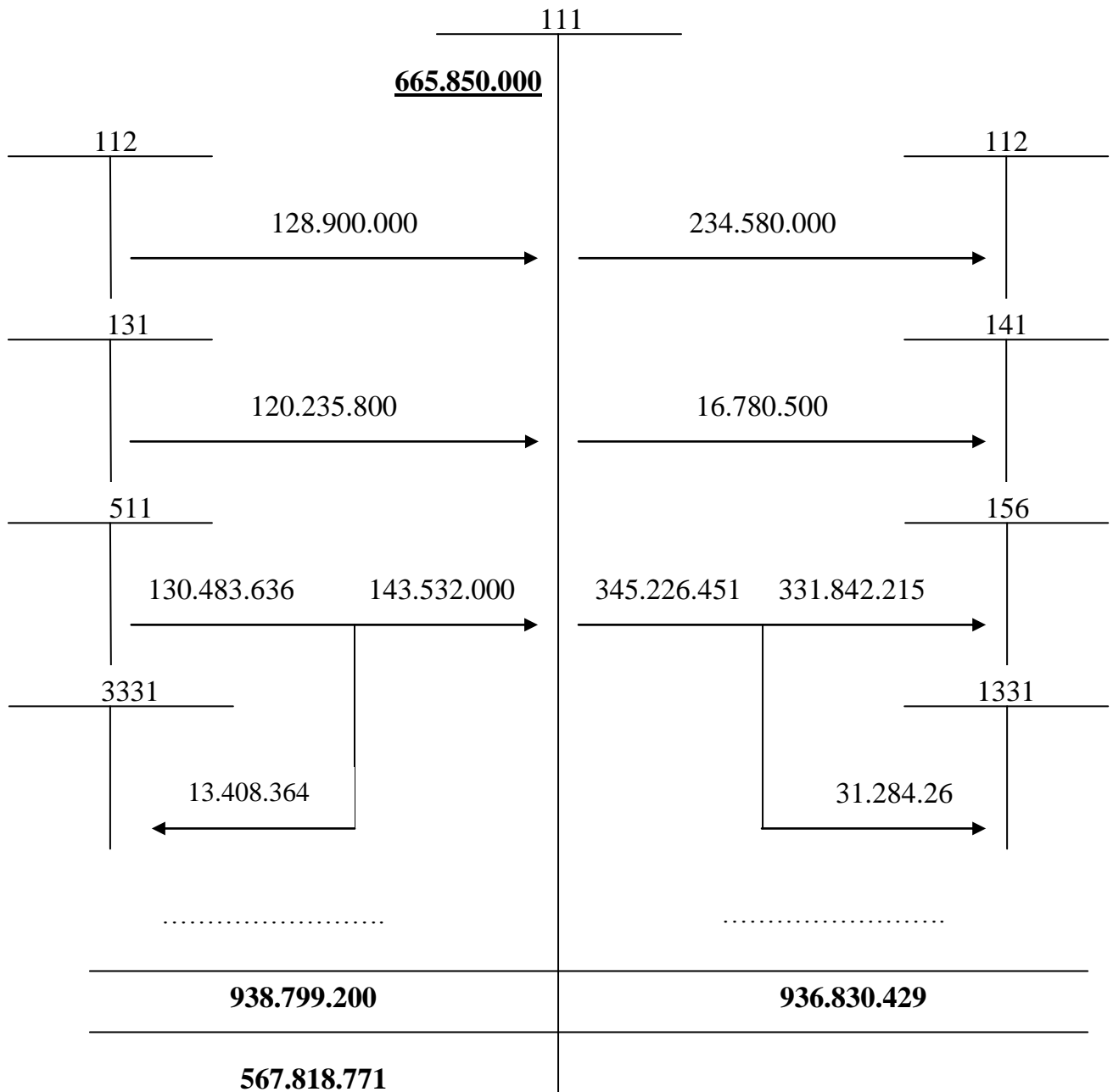
Năm 2010

| Ngày tháng | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | |
|--------------|--------------|--------------|---|---------------------------|---|---------------------------------------|
| | SH | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu kỳ</u> | | <u>665.850.000</u> | |
| | | | | | | |
| 01/12 | PC003 | 01/12 | Mua gương kính của công ty CP Bạch Mã | 156 133 | | 6.909.090 690.910 |
| 05/12 | PC012 | 05/12 | Mua gạch của công ty TNHH Chí Chung | 156 133 | | 79.560.000 7.956.000 |
| 06/12 | PC019 | 11/12 | Thanh toán tiền điện tháng 11 | 642 | | 1.500.000 |
| | | | | | | |
| 08/12 | PC035 | 08/12 | Công ty Hoa Sen thanh toán tiền hàng | 131 | 10.559.000 | |
| 09/12 | GBC | 16/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt | 112 | 10.000.000 | |
| | | | | | | |
| 12/12 | PC020 | 12/12 | Nguyễn Thành Công đề nghị thanh toán tiền sửa thiết bị | 642 | | 5.500.000 |
| | | | | | | |
| 20/12 | PT058 | 20/12 | Bán hàng cho công ty xây lắp và tư vấn thiết kế | 511 3331 | 127.930.000 12.793.000 | |
| | | | | | | |
| | | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>938.799.200</u> | <u>936.830.429</u> |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | <u>567.818.771</u> | |

Ngày....thángNăm

2.2.2.3. Kế toán tổng hợp tiền mặt

Sau khi đã vào sổ sách cuối mỗi tháng hoặc mỗi quý kế toán tổng hợp số liệu từ TK 111 đưa vào bảng cân đối TK và Báo cáo kế toán. Kế toán tổng hợp tiền mặt tháng 12/2010 tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ: KẾ TOÁN TỔNG HỢP TIỀN MẶT THÁNG 12/2010

2.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Kế toán tiền gửi ngân hàng: phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm các khoản tiền gửi ngân hàng. Khi nhận được chứng từ ngân hàng gửi đến thủ quỹ kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc. Nếu có sự chênh lệch thì công ty phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Hàng ngày thủ quỹ phải lập bảng kê tiền gửi ngân hàng và lưu lại các chứng từ vào sổ sách một cách rõ ràng và chính xác.

Tiền của doanh nghiệp phần lớn được gửi tại ngân hàng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt.

❖ Hiện nay công ty có tài khoản tại các ngân hàng:

+ Ngân hàng quốc tế VIB chi nhánh Hải Phòng

+ Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng

❖ Tài khoản 112 được mở cho một tài khoản cấp 2 : TK 1121 (Tiền Việt Nam), TK 1122 (Ngoại tệ)

❖ Các chứng từ:

+ Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu

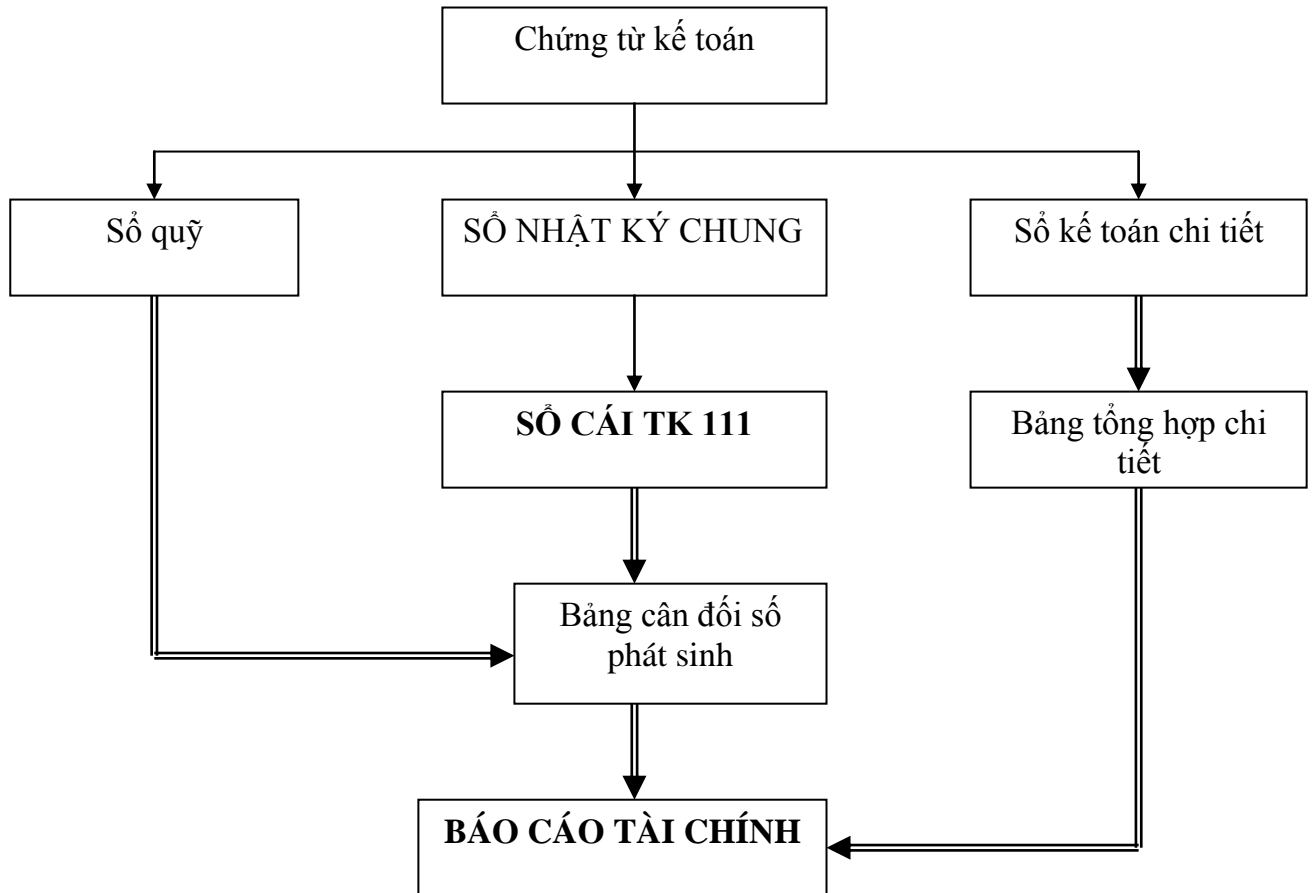
+ Giấy báo có, giấy báo nợ, giấy nộp tiền...

❖ Sổ sách sử dụng

+ Sổ tiền gửi Ngân hàng

+ Sổ Cái TK 112

❖ Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ⋯⋯⋯<—> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

Khi phát sinh một nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, dựa vào các chứng từ gốc được gửi đến, kế toán TGNH tiến hành định khoản và ghi vào sổ có liên quan. Ngân hàng gửi các chứng từ đến DN để thông báo về số dư TK đầu ngày, số phát sinh, số dư cuối ngày hôm trước. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Đến cuối tháng, nếu chưa xác định được nguyên nhân

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

thì phần chênh lệch được ghi vào bên **NỢ** của tài khoản 1381 “ Tài sản thiếu chờ xử lý” hoặc bên **CÓ** tài khoản 3381 “ Tài sản thừa chờ xử lý”. Sang tháng sau tiếp tục đối chiếu để tìm ra nguyên nhân kịp thời xử lý và điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

2.2.3.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng

a. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng

Ví dụ:

Ngày 8/12/2010 công ty thanh toán tiền mua 5 bộ thiết bị vệ sinh theo hóa đơn GTGT số 0058458 bằng chuyển khoản cho công ty Bạch Mã, tổng số tiền thanh toán là 16.500.000 VAT 10%

→ Căn cứ hóa đơn GTGT (liên 2) công ty gửi ủy nhiệm chi (biểu 15) tới ngân hàng VIB. Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ chuyển giấy báo nợ (biểu 16) về công ty.

Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ Nhật ký chung (Biểu 11).

Nợ Tk 331 : 16.500.000

Có TK 112 : 16.500.000

- Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112 (biểu)

- Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối SPS. Sau khi đối chiếu kiểm tra , khớp đúng số liệu trên sổ cái TK 112 và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

Biểu 14 :

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|-----------------------|--|----------|---|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Thiết bị vệ sinh | Bộ | 05 | 3.000 | 15.000.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: | | | | | 1.500.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 16.500.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | |

Biểu 15:

| ỦY NHIỆM CHI | | | | | |
|---|---------------|----------------|----------------------|---|----------------------|
| Số: 112 | | | | | |
| CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN | | | | | |
| Lập ngày: 8/12/2010 | | | | PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI TÀI KHOẢN CÓ | |
| Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Bạch Mã | | | | | |
| Số tài khoản: 0200475628 | | | | | |
| Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV | | Tỉnh, TP: HP | | | |
| Tên đơn vị trả tiền: Công ty CPTMSX Đại Thành | | | | | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | | | | |
| Tại ngân hàng: VIB | | Tỉnh, TP: HP | | | |
| Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng. | | | | | |
| Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2010B 0005768 | | | | | |
| SỐ TIỀN BẰNG SỐ 16.500.000 | | | | | |
| Đơn vị nhận tiền | | Ngân hàng.... | | Ngân hàng.... | |
| Kế toán | Chủ tài khoản | Ghi sổ ngày... | | Ghi sổ ngày... | |
| | | Kế toán | Trưởng phòng kế toán | Kế toán | Trưởng phòng kế toán |

Biểu 16:

NGÂN HÀNG VIB CHI NHÁNH HP

Mã GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 8/12/2010

Kính gửi: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Hôm nay, chúng tôi đã ghi báo Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 009704060004426

Số tiền bằng số : 16.500.000

Số tiền bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng

Nội dung : Thanh toán theo HĐ SP/2010B 0005768

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Ví dụ 2: Ngày 9/12/2010 công ty trả tiền mua máy tính dùng cho bộ phận bán hàng tại công ty Máy tính Hoàng Cường số tiền 8.500.000 theo hóa đơn GTGT số 0053272 chưa có VAT bằng chuyển khoản

➔ - Căn cứ hóa đơn GTGT (liên 2) công ty gửi ủy nhiệm chi tới ngân hàng VIB. Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ chuyển giấy báo nợ (biểu 12) về công ty.

Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ Nhật ký chung.

Nợ TK 641 : 8.500.000

Nợ TK 133 : 850.000

Có TK 112 : 9.350.000

- Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112

- Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối SPS. Sau khi đối chiếu kiểm tra, khớp đúng số liệu trên sổ cái TK 112 và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

Biểu 17:

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: | | | |
|---|-----------------------------|--|----------|---|------------|
| 01GTKT-3 | GIÁ TRỊ GIA TĂNG | Ký hiệu: | | | |
| SP/2010B | Liên 2: Giao cho khách hàng | 0053272 | | | |
| Ngày 09 tháng 12 năm 2010 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: C.TY MÁY TÍNH HOÀNG CUỖNG | | | | | |
| Mã số thuế: 0200434569 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 236 - Lương Khánh Thiện - Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: | | Tại Ngân hàng: | | | |
| Điện thoại | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: C.TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH | | | | | |
| Mã số thuế: 0200489620 | | | | | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 276 Lạch Tray-Ngô Quyền - Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Máy tính DEL | Bộ | 01 | 8.500.000 | 8.500.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 8.500.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: | | | | | 850.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 9.350.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | |

Biểu 18:

| ỦY NHIỆM CHI | | | | | | | |
|---|---------|----------------|--------------|---|--------------|--|--|
| Số: 112 | | | | | | | |
| CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN | | | | | | | |
| Lập ngày: 9/12/2010 | | | | PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI TÀI KHOẢN CÓ | | | |
| Tên đơn vị nhận tiền: Công ty Máy tính Hoàng Cường | | | | | | | |
| Số tài khoản: 0200473460 | | | | | | | |
| Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV | | Tỉnh, TP: HP | | TÀI KHOẢN NỢ | | | |
| Tên đơn vị trả tiền: Công ty CPTMSX Đại Thành | | | | | | | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | | | | | | |
| Tại ngân hàng: VIB | | Tỉnh, TP: HP | | SỐ TIỀN BẰNG SỐ 9.350.000 | | | |
| Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng. | | | | | | | |
| Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2010B 0053272 | | | | | | | |
| Đơn vị nhận tiền | | Ngân hàng.... | | Ngân hàng.... | | | |
| Kế toán | Chủ tài | Ghi sổ ngày... | | Ghi sổ ngày... | | | |
| | khoản | Kế toán | Trưởng phòng | Kế toán | Trưởng phòng | | |
| | | | kế toán | | kế toán | | |

Biểu 19:

NGÂN HÀNG VIB CHI NHÁNH HP

Mã GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 9/12/2010

Kính gửi: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Hôm nay, chúng tôi đã ghi báo Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 009704060004426

Số tiền bằng số : 9.350.000

Số tiền bằng chữ : Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng./

Nội dung : Thanh toán theo HĐ SP/2010B 0053272

b. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng

Ví dụ 3:

Ngày 10/12/2010 công ty TNHH 1 TV BĐS VIPCO thanh toán tiền mua gương bằng chuyển khoản số tiền là 24.200.000 theo hóa đơn số SP/2010B 005860.

→ Căn cứ vào hóa đơn GTGT công ty gửi NHT tới ngân hàng. Ngân hàng sau khi thu được tiền gửi sẽ gửi giấy báo có về công ty.

Từ giấy báo có kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung.

Nợ TK 112: 24.200.000

Có TK 131: 24.200.000

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112

Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối SPS. Sau khi đối chiếu kiểm tra, khớp đúng số liệu trên sổ cái TK 112 và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

Biểu 20:

| HÓA ĐƠN | | Mẫu số: 01GTKT-3LL | | | |
|--|-----------------------|--|----------|---|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu: | | | |
| SP/2010B | Liên 1: Lưu | 0005860 | | | |
| <i>Ngày 10 tháng 12 năm 2010</i> | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: C.TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH | | | | | |
| Mã số thuế: 0200489620 | | | | | |
| Địa chỉ: Số 276 Lạch Tray-Ngô Quyền - Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | Tại Ngân hàng: VIB chi nhánh Hải Phòng | | | |
| Điện thoại: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: C.TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN MỘT THÀNH VIÊN VIPCO | | | | | |
| Mã số thuế: 0200681236. | | | | | |
| Số tài khoản: 009704064567862. | | | | | |
| Địa chỉ: Số 79-Đường Ngô Gia Tự-Lê Chân-Hải Phòng | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Gương POCAS | Chiếc | 100 | 220.000 | 22.000.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 22.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: | | | | | 2.200.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 24.200.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./. | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | |

Biểu 21:

| | | | |
|---|---------------|---|--------------|
| ỦY NHIỆM THU | | | |
| Số: 98 | | | |
| CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN | | | |
| Lập ngày: 10/12/2010 | | | |
| Tên đơn vị nhận tiền: Công ty CPTMSX Đại Thành | | PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI TÀI KHOẢN NỢ | |
| Số tài khoản: 0200475628 | | | |
| Tại ngân hàng: VIB | Tỉnh, TP: HP | | |
| Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH BĐS 1 thành viên VIPCO | | TÀI KHOẢN CÓ | |
| Số tài khoản: 009704060004426 | | | |
| Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV | | Tỉnh, TP: HP | |
| Số tiền bằng chữ: Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng . | | SỐ TIỀN BẰNG SỐ 24.200.000 | |
| Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2010B 0005860 | | | |
| Đơn vị nhận tiền | Ngân hàng.... | Ngân hàng.... | |
| Kế toán | Chủ tài | Ghi sổ ngày... | |
| | khoản | Kế toán | Trưởng phòng |
| | | kế toán | kế toán |

Biểu 22:

NGÂN HÀNG VIB CHI NHÁNH HP

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 10/12/2010

Kính gửi: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Hôm nay, chúng tôi đã ghi báo Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 009704060004426

Số tiền bằng số : 24.200.000

Số tiền bằng chữ : Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng.

Nội dung : Thanh toán theo HĐ SP/2010B 0005860

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 11:

CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

SỐ 276 – Lạch Tray – Ngô Quyền

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|--|---------------------------------|----------------------------|--|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | |
| 1/12 | PC003 | 1/12 | Mua gương kính của công ty Bạch Mã | 156 133 111 | 6.909.090 690.910 | 7.600.000 |
| 8/12 | PC017 | 8/12 | Thanh toán tiền mua 5 thiết bị vệ sinh cho công ty Bạch Mã | 331 112 | 16.500.000 | 16.500.000 |
| | | | | | | |
| 9/12 | PC19 | 9/12 | Trả tiền mua máy tính cho công ty Hoàng Cường | 331 112 | 9.350.000 | 9.350.000 |
| | | | | | | |
| 10/12 | PT031 | 10/12 | Công ty BDS VIPCO thanh toán tiền mua gương kính | 112 131 | 24.200.000 | 24.200.000 |
| | | | | | | |
| 12/12 | PC020 | 12/12 | Nguyễn Thành Công đề nghị tạm ứng tiền sửa thiết bị | 642 111 | 5.500.000 | 5.500.000 |
| 13/12 | PC022 | 13/12 | Mua 1 máy điều hòa của công ty Samnec | 211 133 111 | 8.000.000 800.000 | 8.800.000 |
| | | | | | | |
| 20/12 | PT58 | 20/12 | Bán gạch đặc cho công ty xây lắp và tư vấn thiết kế | 632 156 111 511 333 | 116.300.000 140.723.000 | 116.300.000 127.930.000 12.793.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang sau | | 5.358.397.938 | 5.358.397.938 |

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 23:

CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH
SỐ 276 – Lạch Tray – Ngô Quyền

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm: 2010

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | | |
|--------------|--------------|--------------|---|------------|--------------------|--------------------|---------------------------|
| | SH | NT | | | Thu | Chi | Tồn |
| | | | <u>Số dư đầu kỳ</u> | | | | <u>518.560.258</u> |
| | ... | ... | | ... | ... | | ... |
| 05/12 | PC015 | 05/12 | Thanh toán tiền mua hàng cho công ty CP Hoàng Đạt bằng chuyển khoản | 331 | | 13.450.000 | |
| | | | | | | | |
| 08/12 | PC017 | 08/12 | Thanh toán tiền mua 5 thiết bị vệ sinh cho công ty Bạch Mã | 331 | | 16.500.000 | |
| 09/12 | GBN 110 | 09/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt | 111 | | 10.000.000 | |
| 09/12 | PC019 | 09/12 | Trả tiền mua máy tính cho công ty Hoàng Cường | 331 | | 9.350.000 | |
| | | | | | | | |
| 10/12 | PT031 | 10/12 | Công ty BDS VIPCO thanh toán tiền mua gương kính | 131 | 24.200.000 | | |
| 16/12 | PT 152 | 16/12 | Khách hàng ứng trước tiền bằng chuyển khoản | 131 | 10.000.000 | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 452.325.560 | 436.830.429 | |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | | | <u>534.055.389</u> |

Biểu 24:

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Số 276-Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản 112 : Tiền gửi ngân hàng

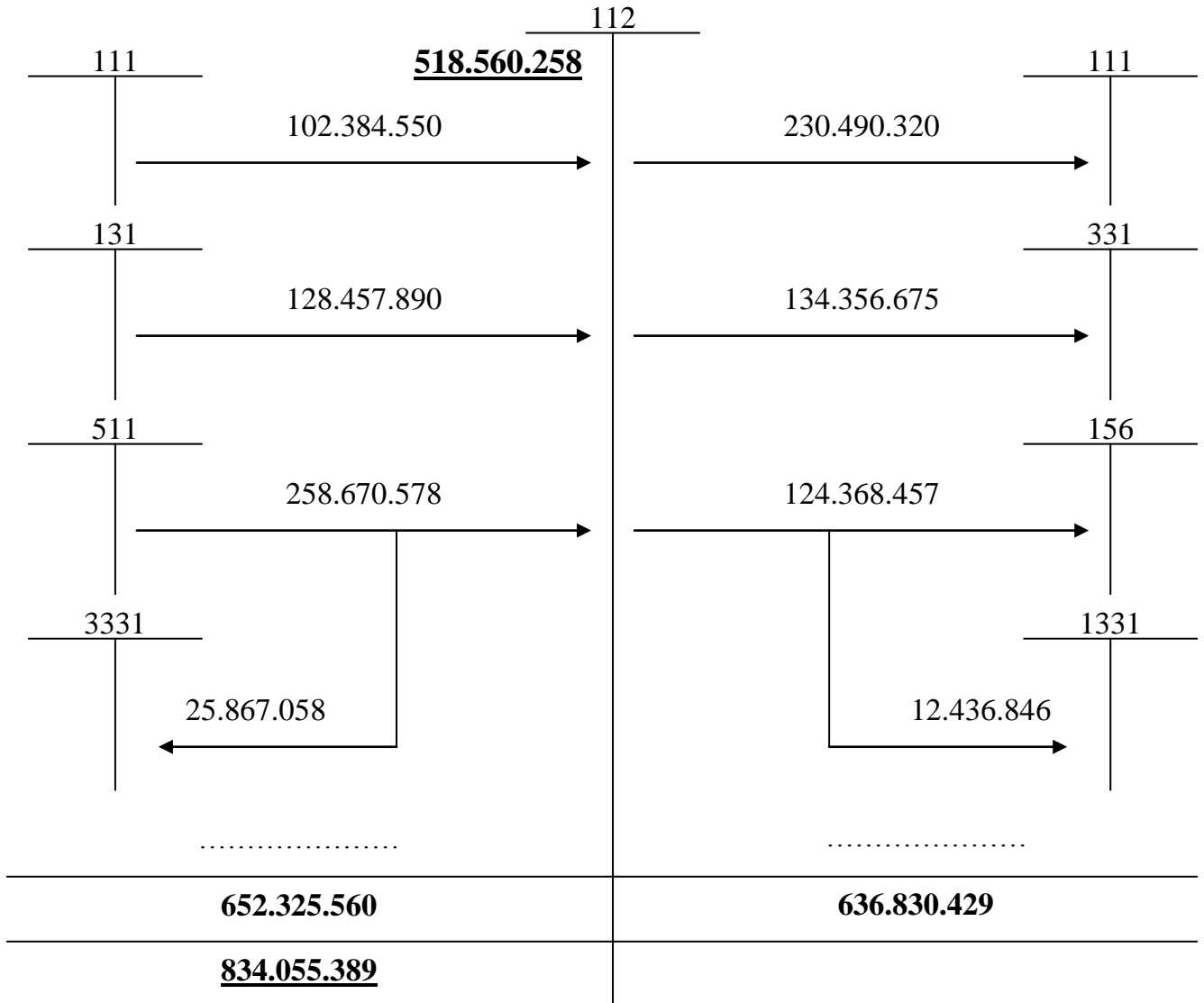
Năm 2010

| Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | |
|--------------|---------------|--|------------|--------------------|--------------------|
| Ngày | Số | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | 818.560.258 | |
| | | | | | |
| 05/12 | PC015 | Công ty cổ phần Hoàng Đạt thanh toán tiền mua hàng bằng chuyển khoản | 131 | 13.450.000 | |
| | | | | | |
| 08/12 | PC017 | Thanh toán tiền mua 5 thiết bị vệ sinh cho công ty Bạch Mã | 331 | | 16.500.000 |
| 09/12 | GBN110 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt | 111 | | 10.000.000 |
| 09/12 | PC019 | Trả tiền mua máy tính cho công ty Hoàng Cường | 331 | | 9.350.000 |
| | | | | | |
| 10/12 | PT 031 | Công ty BĐS VIPCO thanh toán tiền mua gương kính | 131 | 24.200.000 | |
| | | | | | |
| | | Số phát sinh trong kỳ | | 652.325.560 | 636.830.429 |
| | | Số dư cuối kỳ | | 834.055.389 | |

Ngày....tháng...năm

2.2.3.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng

Sau khi đã vào sổ sách cuối mỗi tháng hoặc mỗi quý kế toán tổng hợp số liệu từ TK 112 đưa vào bảng cân đối TK và Báo cáo kế toán. Kế toán tổng hợp tiền mặt tháng 12/2010 tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ: KẾ TOÁN TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG THÁNG 12/2010

2.2.4. Kế toán tiền đang chuyển tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Tại công ty không phát sinh các khoản liên quan đến tiền đang chuyển

Dưới đây là báo cáo tài chính của công ty năm 2010:

Biểu 25:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

Mẫu số B01-DN

Số 276-Lạch Tray-Ngô Quyền

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------|--------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 939.322.705 | 727.591.160 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 517.668.771 | 458.900.000 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 517.668.771 | 458.900.000 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 6,400,000 | 10.650.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 6,400,000 | 10.650.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*) (2) | 129 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 210.716.570 | 176.040.730 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | | 130.560.920 | 97.675.850 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 55.655.650 | 43.690.200 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.03 | 24.500.000 | 34.674.680 |

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

| | | | | |
|--|------------|------|--------------------|--------------------|
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 83.977.364 | 76.500.430 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.04 | 83.977.364 | 76.500.430 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 120.560.000 | 5.500.000 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | | |
| 2. Thuế GTGT đọc khấu trừ | 152 | | | |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước | 154 | V.05 | | 5.500.000 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 120.560.000 | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+ 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 241.564.682 | 271.546.947 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 60.500.000 | 60.500.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | V.06 | | |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | V.07 | 60.500.000 | 60.500.000 |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 60.306.000 | 85.421.407 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.08 | 47.806.000 | 39.860.800 |
| - Nguyên giá | 222 | | 60.456.000 | 50.450.800 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (12.650.000) | (10.590.000) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.09 | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | | |
| - Nguyên giá | 228 | | | |

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

| | | | | |
|---|------------|-------------|----------------------|--------------------|
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | | |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.11 | 12.500.000 | 45.560.607 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.12 | | |
| - Nguyên giá | 241 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 242 | | | |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 100.500.000 | 89.975.540 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | | |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.13 | 100.500.000 | 89.765.540 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 259 | | | |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 20,258,682 | 35.650.000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.14 | 20,258,682 | 35.650.000 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.21 | | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 1.180.887.387 | 999.138.107 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 690.443.694 | 575.625.525 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 531.594.234 | 437.481.687 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.15 | 130.500.000 | 86.540.418 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 90.443.694 | 50.328.820 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | | 28.450.654 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.16 | 69.550.540 | 52.379.870 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 150.650.000 | 134.130.980 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.17 | | |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | | |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | | |

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

| | | | | |
|---|------------|------|----------------------|--------------------|
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 90.450.000 | 85.650.945 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 58.849.460 | 138.143.838 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | V.19 | | |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | | |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.20 | 40.000.000 | 127.800.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | V.21 | | |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 18.849.460 | 10.343.838 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | | |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 590.443.693 | 423.512.582 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 536.400.693 | 401.486.255 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 60.780.900 | 80.650.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | | |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 39.662.793 | 23.383.400 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | | |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: | 420 | | 350.000.235 | 241.852.855 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | 85.956.765 | 55.600.000 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 54.043.000 | 22.026.327 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 54.043.000 | 22.026.327 |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 | V.23 | | |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.180.887.387 | 999.138.107 |

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 26:

CÔNG TY CP SX TM ĐẠI THÀNH

Mẫu số B02-DN

Số 276-Lạch Tray-Ngô Quyền

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : **Đồng**

| Chỉ tiêu | M S | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước | Chênh lệch | |
|---|----------|----------------|---------------|--------------|--------------|----------|
| | | | | | Số tiền | % |
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI25 | 1.450.356.760 | 1.234.089,37 | 21.599.877 | 18.35% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02) | 10 | | 1.450.356.760 | 634.089.377 | 821.599,77 | 18.35% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI27 | 886.607.038 | 618.580420 | 186,32.012 | 23.31% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11) | 20 | | 563.749.722 | 515.930.957 | 44.732,35 | 4.85% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI26 | 42.043.130 | 28.825.449 | 24.217,681 | 135.86% |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI28 | | | -349,461,377 | -10.70% |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | | | -349,461,377 | -10.70% |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 134.544.000 | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 145.986.990 | 165.096,779 | -24,022,923 | -7.60% |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | 30 | | 336.557.289 | 322.587,43 | 12.169.846 | 9281.54% |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 455.701.770 | 369.613.920 | 86.087.850 | 23.29% |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 304.087,64 | 176.183.509 | 127.903,955 | 72.60% |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 151.614.306 | 193,430,411 | -41,816,605 | -21.62% |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 350.000.325 | 197.017.854 | 161.153.741 | 147.78% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI30 | 98.000.091 | 55.164.999 | 42.835.092 | 147.78% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI30 | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52) | 60 | | 252.000.234 | 141.852.560 | 110.147.674 | 147.78% |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | | | |

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Như vậy việc tổ chức công tác vốn bằng tiền của công ty nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu đề ra là đảm bảo được tính thống nhất về phạm vi hoạt động, về phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Điều quan trọng là trong quá trình hạch toán đã hạn chế được những trùng lặp trong ghi chép nhưng vẫn đảm bảo được tính thống nhất của nguồn số liệu ban đầu.

Tuy nhiên việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cũng không thể tránh được những sai sót và có những hạn chế trong quá trình thực hiện. Dưới đây là một số biện pháp góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ khi thành lập đến nay đã trải qua biết bao những khó khăn, thử thách để có thể tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Những năm qua ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước vượt qua mọi thử thách khẳng định được vị thế của mình. Đó là kết quả phấn đấu không ngừng nghỉ, liên tục của toàn công ty. Chính vì thế công ty đang ngày một lớn mạnh hơn, đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước.

- *Về mô hình quản lý sản xuất kinh doanh:* Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa, công ty đã tìm ra cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho phù hợp và hiệu quả nhất. Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả luôn động viên cán bộ công nhân viên đoàn kết cùng nhau làm việc tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của công ty. Công ty đã ngày càng ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế và tạo dựng được lòng tin với khách hàng. Điều này chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã trở thành đòn bẩy tích cực trong quá trình đi lên của công ty. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã thực hiện được xuất sắc các kế hoạch kinh doanh và những nhiệm vụ đề ra trong từng thời kỳ cụ thể.

- *Về công tác kế toán:* Công ty áp dụng theo hình thức Nhật ký chung. Đây cũng là hình thức phù hợp với loại hình hoạt động kinh doanh của công ty. Hình thức này hạn chế được lượng sổ sách công kênh, kiểm soát được mọi hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công việc. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của công

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

nghệ thông tin nên giảm nhẹ được khối lượng công việc nhưng vẫn cung cấp được thông tin kế toán một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

- **Về bộ máy kế toán:** của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên được phân công công việc rõ ràng. Trình độ tay nghề của kế toán không ngừng được nâng cao, được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng và số liệu luôn chính xác.

3.2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

3.2.1. Ưu điểm

Công tác hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng, nhờ nhận thức được rõ điều này mà công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền, cụ thể:

- **Bộ máy kế toán:** để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở công ty đã được quan tâm chú trọng ở một mức độ nhất định với các biện pháp kinh tế nói chung. Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung và phân tán đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:** các thủ tục liên quan đến vốn bằng tiền được cập nhật hàng ngày một cách đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu cho đến việc kiểm tra chứng từ một cách hợp lý được tiến hành cẩn thận, tránh tình trạng xảy ra sai sót, đảm bảo số liệu được phản ánh rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền được tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được ghi chép và đóng quyển theo thứ tự thuận lợi cho việc kiểm tra.

- **Về sổ sách kế toán:** kế toán đã sử dụng đầy đủ sổ sách để theo dõi đầy đủ tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ cái TK 111, TK 112 được thể hiện trong quá trình hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Các sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Về hạch toán kế toán:** kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian rất hợp lý thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu này với sổ quỹ một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác, giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị những biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

+ Hạch toán tiền gửi ngân hàng: việc lập sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi một cách tốt hơn.

- **Đào tạo nhân lực:** công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ cán bộ trong toàn công ty đặc biệt đối với đội ngũ kế toán bằng cách cho nhân viên đi học các lớp đào tạo tay nghề, mở rộng tầm hiểu biết đồng thời nắm bắt được những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó công ty luôn cập nhật những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền kịp thời thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán.

3.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, không thể tránh khỏi những mặt hạn chế đối với công tác kế toán tại công ty nói chung và đối với hạch toán kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Cụ thể là một số vấn đề sau:

1_ Không sử dụng bảng kê chi tiền: do đó không liệt kê được các khoản tiền đã chi để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi, gây khó khăn cho việc quản lý, đối chiếu kiểm tra số liệu.

2_ Công ty không sử dụng ngoại tệ: hiện nay công ty đang trong quá trình mở rộng quy mô vì vậy phạm vi khách hàng của công ty cũng ngày càng mở rộng, đó có thể là các công ty nước ngoài, công ty liên doanh nước ngoài. Nhưng hiện nay công ty không sử dụng ngoại tệ để thanh toán nên sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình thanh toán cho các đối tượng là khách hàng nước ngoài.

3_ Hạch toán tiền đang chuyển: do phạm vi của công ty đang ngày một mở rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty chưa nhận được giấy báo có, giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng mà hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

4_ Việc thanh toán: công ty không sử dụng một cách triệt để việc thanh toán qua ngân hàng, có nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng đến vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty, dễ xảy ra mất mát. Mặt khác lượng tồn quỹ tại công ty quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

5_ Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ: lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch là rất lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế được những sai sót nhầm lẫn hoặc các hành vi gian lận trong quản lý quỹ tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ. Do đó không xác định được số chênh lệch giữa tiền tồn quỹ thực tế với số quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch

6_ Công ty không sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ: báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu chi trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhưng cho đến hiện nay công ty vẫn chưa sử dụng báo cáo này.

7_ Công ty chưa ứng dụng tin học vào công tác kế toán: hiện nay công ty chưa có phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn

chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong môi trường kinh tế đầy cạnh tranh hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để có thể tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

Công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ lệ lớn trong vốn kinh doanh. Hoàn thiện tốt công tác kế toán vốn bằng tiền là đảm bảo các chế độ, chính sách về quản lý lượng tiền trong doanh nghiệp, đảm bảo được tính an toàn, tránh xảy ra mất mát, lãng phí khi quản lý vốn. Mọi công tác tổ chức phải hợp lý và chính xác để việc hạch toán được dễ dàng. Qua đó sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho công ty về tình hình quản lý vốn, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu, phải trả giúp cho công ty sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tránh lãng phí, ứ đọng, thiếu hụt.

3.3.2. Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

Hoàn thiện công tác kế toán tại công ty phải đảm bảo phù hợp với công tác kế toán tại công ty, khắc phục được những hạn chế đã tồn tại. Mọi thay đổi phải theo quy định của Nhà nước không được làm trái với quy định của Nhà nước đề ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả, khi phát hiện ra sai sót phải kịp thời sửa chữa.

3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành

Trong thời gian thực tập tại công ty, áp dụng những kiến thức lý thuyết trên nhà trường và thực tế, với mong muốn đóng góp một phần công sức của mình vào công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty, làm cho kế toán thực sự trở thành một công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả, em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty như sau:

1_ Hoàn thiện bảng kê chi tiền: kế toán vốn bằng tiền nên mở Bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 09 - TT

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày...tháng...năm...

Họ và tên người chi:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:.....

| STT | Chứng từ | | Nội dung chi | Số tiền |
|-----|----------|-------------|--------------|---------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | |
| A | B | C | D | 1 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | Cộng | |

- Số tiền viết bằng chữ:

- Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày tháng năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2_ Công ty nên sử dụng ngoại tệ: công ty nên sử dụng ngoại tệ để việc thanh toán diễn ra thuận lợi và dễ dàng hơn đối với khách hàng là những công ty liên doanh, công ty nước ngoài hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Khi đó kế toán sẽ hạch toán vào TK 1112 (Ngoại tệ), khi sử dụng phải phải ánh chênh lệch giữa tỷ giá thực tế và tỷ giá thanh toán.

3_ Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển: hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng. Thường doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua ngân hàng chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển. Nếu nghiệp vụ này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán vì vậy công ty nên sử dụng TK 113 để hạch toán đảm bảo được tính chính xác.

4_ Về hình thức thanh toán: hiện nay rất nhiều các doanh nghiệp thực hiện việc thanh toán thông qua ngân hàng đối với những khoản thanh toán cần một lượng tiền mặt lớn. Điều này sẽ thuận tiện và an toàn hơn trong phương thức thanh toán bởi hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với nhiều dịch vụ và tiện ích. Với công nghệ hiện tại và tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng sẽ diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa việc thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo được an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, tránh xảy ra tình trạng mất mát.

5_ Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt: kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với số quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập biên bản kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo giám đốc xem xét. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, ban kiểm kê quỹ phải lập biên bản kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- + Một bản lưu ở thủ quỹ
- + Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bản kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a - TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào....ngày....tháng....năm

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):

Ông (bà):

Ông (bà):

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải | Số lượng | Số tiền |
|-----|---------------------------|----------|---------|
| A | B | 1 | 2 |
| I | Số dư theo sổ quỹ | x | |
| II | Số kiểm kê thực tế | x | |
| 1 | Trong đó: - Loại | | |
| 2 | Loại | | |
| 3 | Loại | | |
| 4 | Loại | | |
| 5 | | | |
| III | Chênh lệch (III = I – II) | x | |

Lý do: Thừa:

Thiếu:

Kế luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên,)

6_ Công ty nên sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ: công ty nên tiến hành lập báo cáo tài lưu chuyển tiền tệ để giúp các nhà quản lý có được quyết định nhanh chóng và chính xác hơn.

7_ Hoàn thiện về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán: công ty nên áp dụng kế toán trên máy bằng việc sử dụng phần mềm kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó công ty có thể lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel, song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất. Vì vậy công ty nên đặt mua phần mềm kế toán áp dụng riêng cho hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty.

Tóm lại trong điều kiện kinh doanh hiện nay công ty nên tìm cho mình một giải pháp riêng vừa phát huy được những thế mạnh nhưng đồng thời cũng phải khắc phục được những mặt hạn chế từng bước hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng nhằm tăng lợi nhuận và khẳng định được vị trí của công ty trên lĩnh vực kinh doanh.

KẾT LUẬN

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là rất cần thiết và vô cùng quan trọng. Thông qua kế toán vốn bằng tiền chúng ta có thể phản ánh được tình hình tăng, giảm các loại vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Qua đó giúp các nhà quản lý nắm bắt được tình hình, đưa ra những quyết định trong quản lý kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp của mình. Bởi vậy kế toán vốn bằng tiền cần được hoàn thiện để cung cấp thông tin chính xác cho các nhà quản trị doanh nghiệp.

Khóa luận: “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành**” đã phân nào nêu ra được những biện pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung. Khóa luận đề cập đến một số vấn đề cơ bản sau:

- **Về mặt lý luận:** Khóa luận đã nêu và hệ thống hóa được những vấn đề cơ bản về Vốn bằng tiền và kế toán vốn bằng tiền, các phương pháp hạch toán Vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp

- **Về mặt thực tế:** Phản ánh rất khách quan tình hình hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành và lấy số liệu năm 2010 để chứng minh.

- **Về mặt kiến nghị:** Thông qua việc đối chiếu lý luận với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành, áp dụng chế độ Nhà nước tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành, khóa luận đã nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở thực tiễn và đều mang tính khả thi tuy nhiên cũng không tránh khỏi màu sắc lý thuyết nên rất mong được doanh nghiệp tham khảo.

Do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên bài Khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp của các cô chú trong ban lãnh đạo, các anh chị phòng kế toán của công ty và sự chỉ dạy của thầy cô để Khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty CP sản xuất và thương mại Đại Thành

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới ban lãnh đạo Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đại Thành, các cô chú, anh chị tại phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập vừa qua. Bên cạnh đó em cũng xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài Khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngàytháng....năm 2011

Sinh viên:

Nguyễn Thị Bích Thủy